

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỒ CÔNG PHÚC

**TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG VÀ GIẢM NHẸ
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH
HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH HÀ TĨNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỒ CÔNG PHÚC

**TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG VÀ GIẢM NHẸ
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH
HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH HÀ TĨNH**

Ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. TRỊNH TIẾN VIỆT**

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được tôi ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình của cá nhân tôi nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của TS. Trịnh Tiến Việt.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận văn

HÒ CÔNG PHÚC

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG VÀ GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....	8
1.2. Vai trò của tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt.....	19
1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng tám 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015.....	23
Chương 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH	31
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt	31
2.3. Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.....	48
Chương 3. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG.....	71

3.1. Sự cần thiết tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt.....	71
3.2. Một số giải pháp bảo đảm áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt.....	79
KẾT LUẬN.....	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: BLHS
HĐXX	: Hội đồng xét xử
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: TNHS
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
PLHS	: PLHS

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng thống kê số liệu xét xử các vụ án hình sự từ năm 2012-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.....	49
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012-2017	52
Bảng 2.3: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012- 2017	626
Bảng 2.4: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 của tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012-2017	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi áp dụng hình phạt có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xét xử tội phạm. Một mặt, giúp cho Tòa án không bỏ sót tội phạm, đồng thời xử lý đúng người, đúng tội, có tính giáo dục, có sự răn đe kịp thời, ngăn ngừa tội phạm. Mặt khác, thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, tránh được hiện tượng lợi dụng xét xử mà Tòa án áp dụng pháp luật không đúng với tội phạm gây ra, làm bức xúc trong dư luận xã hội. Do vậy, việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt có ý nghĩa quan trọng và được pháp luật quy định trong Bộ luật hình sự.

Quyết định hình phạt là một trong những hoạt động quan trọng trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự đã xảy ra. Quyết định hình phạt theo đúng quy định của pháp luật là yếu tố quan trọng để đạt được mục đích giáo dục và ngăn ngừa tội phạm, hơn nữa nó còn có ý nghĩa giáo dục từ xa, phòng ngừa từ xa. Việc áp dụng hình phạt một cách chính xác, khách quan sẽ giúp người phạm tội nhận thức được lỗi lầm của mình, cũng như các cơ quan chức năng thể hiện sự công bằng trong xét xử, tránh hiện tượng đi sâu sau, bỏ lọt tội phạm. Nếu Tòa án áp dụng pháp luật trong xét xử quá nhẹ thì sẽ gây ra hiện tượng coi thường pháp luật, không đủ sức răn đe người phạm tội và sự giáo dục người phạm tội coi như vô nghĩa, gây mất thời gian của Tòa án, của cơ quan điều tra và công sức của Viện kiểm sát, v.v.. hoặc hình phạt quá nặng sẽ gây tâm lý hoang mang, gây hận thù, phản tác dụng giáo dục, người phạm tội cảm thấy bị gét bỏ, xa lánh xã hội, đây là điều không giúp ích nhiều cho nhận thức của người phạm tội.

Nghiên cứu đề tài “*Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo PLHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*” có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra những luận giải khoa học cho các quy định thể chế hóa chính sách khoan hồng của Nhà nước về TNHS. Đây chính là một những vấn đề lập pháp đặt ra cho lý luận về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

TNHS cần phải giải quyết. Việc quy định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong PLHS là một bước cụ thể hóa góp phần giải quyết vụ án hình sự được khách quan, chính xác, công bằng đúng pháp luật, đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta về xử lý tội phạm.

Trong thực tiễn công tác xét xử những năm qua cho thấy, vấn đề áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 51 và Điều 52 BLHS năm 2015 tại TAND tỉnh Hà Tĩnh về cơ bản là chính xác và thống nhất. Tuy nhiên, vẫn đang còn một số vướng mắc, sai sót cần được giải quyết vì cũng còn có không ít các trường hợp Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác; cùng một tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS nhưng mỗi Tòa án lại vận dụng ở mức độ khác nhau dẫn đến việc quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ. Ngoài ra, cũng trong Điều 51, Điều 52 BLHS năm 2015 các quy định về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS cũng còn một số hạn chế nhất định, chưa quy định rõ ràng các mức độ vi phạm dẫn đến việc hiểu và vận dụng khó khăn cho người thực thi pháp luật.

BLHS năm 2015 đã có sự sửa đổi về quy định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Việc nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trên cơ sở lý luận khoa học, khách quan, và từ tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm đúc kết được qua các vụ án là nhằm hiểu rõ cũng như áp dụng chính xác các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để nâng cao chất lượng xét xử các vụ án, đồng thời chỉ ra những vấn đề còn vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn. Từ đó đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng đúng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử là một yêu cầu ý nghĩa lý luận và thực tiễn hiện nay.

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu đề tài “*Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo PLHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*” rõ ràng có tính cấp thiết.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS nói chung đã được nhiều công trình nghiên cứu, đề cập với tư cách là một trong những căn cứ quyết định hình phạt, còn nghiên cứu riêng rẽ về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt chưa có nhiều mà mới đề cập chung, chẳng hạn như:

(1) Sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình.

- GS.TS Võ Khánh Vinh, *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1994, [35];

- TS Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, [36];

- TS Trần Thị Quang Vinh (2005) *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội [33];

- TS Lê Văn Đệ, *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005, [12];

- TS Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb. Lao động Xã hội, Hà Nội [15];

- Th.s Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội [22];

- Th.s Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội [25];

(2) Luận án, luận văn thạc sĩ luật học:

- Dương Tuyết Miên (2004), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;

- Phạm Mạnh Toàn (2012), *Các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội;

- Trần Văn Sơn (1996), *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học luật Hà Nội.

- TS. Trần Thị Quang Vinh (2002), *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

(3) Các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành:

- Bùi Kiến Quốc (2000), Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS Việt Nam, Tạp chí *Luật học*, số 6;

- TS. Trịnh Tiến Việt (2004), Với tác phẩm, Về ảnh hưởng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS năm 1999. đăng tại Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 13; đã nói lên các yếu tố ảnh hưởng đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- TS. Trịnh Tiến Việt (2006), Các tình tiết tăng nặng TNHS: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí *Nghề luật*, số 4;

- PGS.TS Dương Tuyết Miên (2003), Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo BLHS năm 1999, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 1 [14];

- TS. Trịnh Tiến Việt (2004), Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trong việc quyết định hình phạt, Tạp chí *Khoa học pháp lý*, số 1 [30];

- TS. Trần Thị Quang Vinh (2001), Ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong chế định quyết định hình phạt theo BLHS năm 1999, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 7;

- Vũ Thành Long (2006), Áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết tăng nặng "phạm tội có tổ chức" và phạm tội nhiều lần, Tạp chí *Kiểm sát*, số 21;

- Vũ Thành Long (2006), Bàn về việc áp dụng tình tiết tăng nặng "Xâm phạm tài sản của nhà nước" đối với người phạm tội tham ô tài sản, Tạp chí *Kiểm sát*, số 6;

- Th.s Đinh Văn Quế (2009), Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 9 [23];

- Nguyễn Đức Mai (2008), "Giết trẻ em" hay "Phạm tội đối với trẻ em?", Tạp chí *Toà án nhân dân*, số 16;

- TS Phạm Thị Thanh Nga (2008), Những tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện sự ăn năn, hối cải của người phạm tội – những tồn tại, vướng mắc và kiến nghị, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 7;

- Nam Phương (2011), Áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hay tình tiết tăng nặng TNHS, Tạp chí *Dân chủ và pháp luật*, số 10;

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Luận văn nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt, quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong sự so sánh BLHS năm 2015, trong quyết định hình phạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản sau:

- Một số vấn đề lý luận về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo PLHS Việt Nam.

- Tình hình áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt của TAND tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 06 năm (2012 – 2017).

- Đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp bảo đảm nội dung của tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS theo PLHS Việt Nam, quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 trong sự so sánh BLHS 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng quy định của

BLHS Việt Nam về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu trên, luận văn có phạm vi nghiên cứu như sau:

- Về nội dung, luận văn nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo PLHS Việt Nam.

- Về không gian, thời gian, luận văn tập trung đánh giá việc thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo BLHS tại TAND tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 06 năm (2012 – 2017).

5. Phương pháp luận và phương nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, các quan điểm khoa học của các nhà khoa học về Nhà nước và pháp luật, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài ra, luận văn còn dùng các phương pháp như: phân tích, tổng hợp; so sánh, đối chiếu; thống kê; điều tra, v.v. để vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra nhằm đạt được mục đích của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn là ở chỗ tác giả đã làm rõ khái niệm, ý nghĩa và phân loại của tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS, vai trò của tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt; phân tích, đánh giá nội dung quy định của PLHS Việt Nam hiện hành về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy định này ở khía cạnh lập pháp và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng từ khía cạnh thực tiễn.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.

Chương 2: Quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương 3: Tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt và một số giải pháp bảo đảm áp dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG VÀ GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

a. Khái niệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 45 BLHS năm 1999 (nay là Điều 50 BLHS 2015), khi quyết định hình phạt, Tòa án nhân dân ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS hiện hành và căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, còn phải căn cứ vào các quy định của tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS. Do đó, pháp luật quy định các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS là một trong những yếu tố không thể thiếu nhằm giúp tòa án có căn cứ khi đưa ra các quyết định hình phạt tương ứng. Do đó, việc nghiên cứu vai trò các tình tiết tăng nặng TNHS trong quyết định hình phạt đối với người phạm tội có vai trò rất quan trọng trong việc bổ sung làm rõ những vấn đề lý luận cần cập nhật, và thực tiễn áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bên cạnh đó, nó thể hiện tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội, vừa trừng trị nhưng vừa mang tính nhân văn sâu sắc, kết hợp giáo dục với hòa nhập cộng đồng. Giúp cho người phạm tội nhận thức được cái sai của mình, chấp nhận hình phạt theo quy định của pháp luật, đồng thời sau khi hoàn thành án phạt trở về với xã hội thành công dân tốt, có ích cho cộng đồng.

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội, các thẩm phán cũng như xã hội cần nhận thức được sự thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình, và được quy định cụ thể bằng văn bản để khi xử lý được

thống nhất, tránh gây tranh cãi khi cùng xử lý một vụ việc. Điều này có vai trò quan trọng để thống nhất khi xét xử hình sự các cấp của Tòa án. Do vậy, để có sự thống nhất trong các khái niệm, cách hiểu nghĩa của các khái niệm thì chúng ta cần phải đưa ra định nghĩa thống nhất về “tình tiết tăng nặng TNHS”. Hiện nay, trong PLHS thực định (BLHS năm 2015) các nhà làm luật nước ta không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm này, đồng thời trong khoa học luật hình sự Việt Nam cũng còn nhiều quan điểm khác nhau xung quanh nó, mà cụ thể là:

- Các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết được quy định trong BLHS phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng TNHS có vai trò trong thực hiện các quyết định hình phạt, làm tăng mức độ cao nhất của hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt đã được quy định theo pháp luật hiện hành.

- “Tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết làm cho mức độ nguy hiểm của trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường và do đó được coi là căn cứ để tăng nặng TNHS đối với trường hợp phạm tội đó” [20, tr.116].

Tổng hợp những quan điểm đã nêu, đồng thời căn cứ vào các quy định của PLHS liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS, theo quan điểm của chúng tôi khái niệm này có thể được hiểu như sau: *Tình tiết tăng TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết tăng nặng chung và là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này.*

b. Ý nghĩa tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Ý nghĩa về mặt pháp lý

Tình tiết tăng nặng là tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã được thực hiện, do đó, tình tiết này có ý nghĩa làm tăng

TNHS và hình phạt đối với người đã thực hiện tội phạm cụ thể đó. Do vậy, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hoá hình phạt, và được biểu hiện là cho phép đánh giá mức độ nguy hiểm đối với xã hội, của hành vi phạm tội đã thực hiện. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để xác định mức độ TNHS đối với người phạm tội. Chúng ta biết rằng, đối với mỗi tình tiết tăng nặng TNHS với các loại tội khác nhau thì khung hình phạt cũng phải khác nhau. Có những tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội nói chung nhưng cũng có những tình tiết thì làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội mà tội phạm đã thực hiện. Các tình tiết tăng nặng TNHS giúp cho Tòa án xác định các loại tội phạm đúng với bản chất của nó và sẽ có những khung hình phạt tương ứng, không làm giảm nhẹ hay tăng nặng trách nhiệm hình sự. Với tình tiết tăng nặng TNHS định khung sẽ giúp Tòa án đưa ra mức hình phạt đúng với bản chất, thực tế khách quan của người phạm tội.

Trong khung hình phạt này, tình tiết tăng nặng TNHS chung giúp xác định hình phạt cụ thể của tội phạm cụ thể, tuy nhiên, từng tình tiết tăng TNHS có mức độ thay đổi TNHS theo hướng tăng lên của tội phạm khác nhau. Sự đánh giá mức độ thay đổi này, PLHS không quy định khoảng biến thiên mà do người áp dụng pháp luật tự đánh giá và xác định phù hợp với từng trường hợp.

- Ý nghĩa về mặt chính trị

Tình tiết tăng nặng TNHS được thể hiện trong đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Chẳng hạn tại Khoản 2 Điều 3 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện kết hợp giữa xử lý nghiêm trị với chế độ khoan hồng đối với người phạm tội, “Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội, người phạm tội xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú thành khẩn khai báo,

tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra" [4, tr.3].

Quy định các tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS là sự thể hiện việc xử lý trong khi xác định TNHS, cùng với đó là những hình phạt đối với người phạm tội, giáo dục khuyến khích những người phạm tội hòa nhập cộng đồng sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, sống có ích và lương thiện.

Ngoài ra, tăng nặng TNHS được quy định trong BLHS còn có ý nghĩa tạo ra sự thống nhất trong xét xử của Tòa án của cả nước, trách trường hợp mỗi địa phương áp dụng một kiểu, dẫn đến khiếu kiện do áp dụng không thống nhất, tùy tiện áp dụng các tình tiết tăng nặng, trái với quan điểm của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực hình sự.

c. Phân loại tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Có 3 loại tình tiết tăng nặng TNHS, đó là: Tình tiết tăng nặng định tội; tình tiết tăng nặng định khung và tình tiết tăng nặng chung.

- Tình tiết tăng nặng định tội

Tình tiết tăng nặng định tội là tình tiết làm tăng tính chất nguy hiểm của tội phạm cho xã hội theo hướng ngày càng tăng lên. Tội phạm bị xử lý về tội danh cùng loại nặng hơn. Do vậy, nó là tình tiết tăng nặng TNHS định tội, thế nên nếu như không có tình tiết tăng nặng TNHS này thì hành vi phạm tội cũng đã cấu thành phạm tội cùng loại nhưng nhẹ hơn. Tình tiết tăng nặng định tội chỉ có ý nghĩa tăng thêm tính chất nguy hiểm cho xã hội mà sự tăng thêm đó sẽ làm cho tội phạm thay đổi về mức độ và tính chất vi phạm. Nhưng cũng cần lưu ý rằng, trên đây chỉ là các loại tội phạm mang tính chất đặc biệt, do vậy, mặc dù cùng một loại tội phạm có tính chất như nhau nhưng chúng ta cũng cần phải tách thành các điểm, các khoản, và các điều luật và tội danh khác nhau vì yếu tố đặc biệt khác so với các loại tội thông thường và cần được pháp luật bảo vệ trong hệ thống pháp luật.

- Tình tình tiết tăng nặng định khung

Tình tiết tăng nặng định khung là tình tiết phạm tội mà làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội nói chung, được xem xét trong cùng một tội phạm. TNHS đối với loại tội phạm này cũng phải cao hơn, điều đó được biểu thị qua chế tài và được quy định ở mức hình phạt cao nhất đối với khung hình phạt.

Với nguyên tắc cá thể hóa TNHS, nhưng không được tùy tiện ra các quyết định hình phạt, và chúng được chia thành từng mức độ nhất định của các khung hình phạt tương ứng với các loại tội danh khác nhau. Khoảng cách khung hình phạt giữa các mức độ càng cao thì các nhà làm luật càng chia thành nhiều khung hình phạt tương ứng. Từ đó, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà tương ứng với các khung hình phạt nào thì sẽ áp dụng vào khung hình phạt đó, điều này trách được việc áp dụng một cách tùy tiện, thậm chí lợi dụng pháp luật quy định không rõ ràng, còn nhiều kẽ hở để bỏ lọt tội phạm, hay bỏ sót tội phạm.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung

Tình tiết tăng nặng TNHS chung là tình tiết gây nguy hiểm cho xã hội với mức độ phạm tội của tội phạm nhỏ hơn các tình tiết TNHS định tội và TNHS định khung. Tình tiết TNHS chung đối với một người cụ thể phạm tội cụ thể sẽ được quy định trong mỗi khung hình phạt cụ thể. Nó có vai trò và ý nghĩa pháp lý cho những tình tiết trên để bảo đảm rằng các cá nhân phạm tội sẽ có khung hình phạt chính xác và triệt để.

Song, điều chúng ta cần phải lưu tâm là các loại tình tiết tăng nặng TNHS này sẽ được loại trừ lẫn nhau khi áp dụng, chẳng hạn, khi áp dụng các khung hình phạt thì cần thực hiện theo nguyên tắc thứ tự: một là, tình tiết tăng nặng TNHS định tội; hai là, tình tiết tăng nặng TNHS định khung; ba là, tình tiết tăng nặng TNHS chung.

Quy định về tình tiết tăng nặng TNHS nếu thuộc về mặt chủ quan của người phạm tội, đó là các lỗi mà người phạm tội do chủ quan mắc phải tội hình sự như động cơ, mục đích phạm tội.... Trong đó, lỗi được phản ánh

trong tất cả cấu thành tội phạm và là dấu hiệu phạm tội. Ngoài ra còn có các yếu tố khác của mặt chủ quan cũng gây ra phạm tội như một số động cơ, mục đích phạm tội xuất hiện ở một số tội phạm cụ thể. Chẳng hạn, có thể với tư cách có dấu hiệu định tội, cũng có trường hợp là với tư cách tình tiết tăng nặng TNHS định khung, nhưng cũng trường hợp là tình tiết tăng nặng TNHS chung, v.v..

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về chủ thể của tội phạm. Biểu hiện của chủ thể phạm tội có thể là dấu hiệu định tội đã được quy định đó là các tình tiết tăng nặng TNHS định khung hay các tình tiết tăng nặng TNHS chung. Chẳng hạn như việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi pháp luật là tình tiết tăng nặng TNHS định khung đã được quy định trong hệ thống pháp luật của nước ta.

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về khách thể của tội phạm. Trong phần khách thể tội phạm, khách thể tác động của tội phạm là một trong những lý do làm tăng TNHS nặng hơn đối với người phạm tội. Đó có thể là tình tiết tăng nặng TNHS định tội như phân loại ở trên. Đó cũng có thể là tình tiết tăng nặng định khung. Đối với tình tiết tăng nặng TNHS chung, theo quy định tại Điều 48 BLHS 1999 thì những tình tiết sau gắn với khách thể của tội phạm nhưng sẽ làm tăng TNHS đối với người phạm tội: Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.

1.1.2. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

a. Khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Hiện nay về khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS thì BLHS cũng như khoa học pháp lý ở nước ta chưa đưa ra định nghĩa về tình tiết giảm nhẹ TNHS một cách thống nhất, còn nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các nhà nghiên cứu đều nhận định rằng, “tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết được ghi nhận trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hay do

Tòa án tự xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án, đồng thời là một trong những căn cứ để Tòa án cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt” [25, tr.240]. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, tình tiết giảm nhẹ TNHS là những yếu tố về các vấn đề hoàn cảnh, điều kiện xảy ra sự việc mà ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm, từ đó nó làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội, giảm thiệt hại tài sản của nhà nước và nhân dân, do vậy, làm giảm TNHS cho người phạm tội.

TS. Trần Thị Quang Vinh đã nhận định rằng, “tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết có ý nghĩa giảm mức độ nguy hiểm cho cộng đồng xã hội và các cá nhân, cũng như tài sản của nhân dân và của nhà nước của hành vi phạm tội, phản ánh mức độ cải tạo tốt hoặc trong điều kiện hoàn cảnh bất khả kháng của người phạm tội nên đáng được khoan hồng và giảm nhẹ TNHS khi chưa được ghi nhận trong chế tài” [Xem: 33, tr.245].

Việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phản ánh chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước ta đối với các loại hình phạm tội, mức độ giảm nhẹ TNHS như thế nào thì còn căn cứ vào các quy định của pháp luật được thể hiện trong BLHS cũng như các chế tài hoặc Tòa án căn nhắc xem xét các yếu tố hoàn cảnh của thân nhân phạm tội để quyết định mức độ giảm nhẹ TNHS.

Từ những phân tích trên về khái niệm, bản chất pháp lý và phạm vi của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, và theo nhiều cách tiếp cận khác nhau ta có thể đưa ra khái niệm:

Tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ và là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này.

b. Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Ý nghĩa về mặt pháp lý

Giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng trong xét xử vi phạm hình sự của các loại tội phạm, nó thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà

nước. Làm cho người phạm tội nhận thấy được sự chia sẻ, tạo điều kiện để vươn lên, sống có ích cho xã hội.

Khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội còn hạn chế được sự gắt gao của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, xét xử đúng người, đúng tội, làm cho người phạm tội tâm phục, khẩu phục đối với tội mà mình đã vi phạm.

Bên cạnh đó, khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nó còn có vai trò và ý nghĩa to lớn về mặt chính trị cũng như về mặt pháp luật đối với người phạm tội. Một mặt, các quy định giảm nhẹ TNHS là căn cứ quan trọng, không thể thiếu khi xử lý hình sự, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhưng mặt khác, nó thể hiện tính chính trị đó là sự cảm hóa người phạm tội, xét xử mang tính giáo dục, tuyên truyền không chỉ người phạm tội nhận thấy được hành vi của mình và còn giáo dục những người khác nhận thức được tính nhân văn sâu sắc của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tạo tâm lý tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, khi Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong PLHS cũng có nghĩa là thể hiện sự khoan hồng, cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước về cách nhìn nhận người phạm tội có sự bao dung, đùm bọc, thương yêu nhưng đảm bảo xét xử công bằng. Đồng thời nó là cơ sở để cảm hóa người phạm tội đúng với tâm lý phát triển của con người. Do vậy, giảm nhẹ TNHS có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người phạm tội, nên khi xét xử thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu cần phải áp dụng một cách toàn diện các quy định của pháp luật đối với người phạm tội, đặc biệt là áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ở đây chúng ta cũng cần nhận thức được rằng, không được giảm nhẹ vượt quá mức pháp luật cho phép để người phạm tội thấy được sự nghiêm minh của pháp luật cũng như có ý nghĩa giáo dục, tuyên truyền phòng ngừa tội phạm.

- Ý nghĩa về mặt chính trị

Việc thực hiện các tình tiết giảm nhẹ TNHS bảo đảm cho việc thực hiện công bằng xã hội trong việc xét xử của pháp luật hình sự Việt Nam.

Mặt khác, khi quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS còn có ý nghĩa chính trị quan trọng đối với việc thực hiện chính sách hình sự pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về các loại tội phạm hình sự. Đây là một phương thức đưa nội dung của chính sách pháp luật hình sự đi vào thực tiễn đời sống xã hội hiện thực. Khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS là yếu tố cần thiết thể hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta về pháp luật hình sự.

c. Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Phân loại là hoạt động hệ thống hóa hiểu biết về sự vật, hiện tượng tạo thuận lợi cho quá trình nghiên cứu, nhận thức quy luật phát triển và thay đổi của sự vật, hiện tượng. Phân loại các tình tiết giảm nhẹ TNHS không thể nằm ngoài quy luật đó. Mục đích khoa học của phân loại tình tiết giảm nhẹ TNHS trước hết nhằm làm rõ cơ chế giảm nhẹ TNHS trong từng nhóm. Mục đích thực tiễn là khai thác tối đa khả năng vận dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS. Phân loại sự vật, hiện tượng được tiến hành theo những căn cứ nhất định. Mỗi căn cứ cho một cách phân loại nhất định cùng với ý nghĩa ứng dụng của nó.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS thường được phân loại theo các yếu tố của tội phạm và được phân thành ba nhóm:

- Tình tiết thuộc mặt khách quan của tội phạm.
- Tình tiết thuộc mặt chủ quan của tội phạm.
- Tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội.

Như vậy, có 3 nhóm về tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa giảm nhẹ mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng như hạn chế được những tổn thất về tài sản và con người của hành vi phạm tội.

Các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội quá trình phạm tội của tội phạm là căn cứ không thể thiếu trong quá trình xét xử tội phạm. Những yếu tố khách quan và chủ quan cần được xem xét một cách thấu đáo, tránh bỏ sót sẽ gây bất lợi cho người phạm tội.

Khi xét xử hình sự cần được xem xét kỹ lưỡng những nhân tố trên đây để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Điều đó được biểu hiện ở các mặt sau.

Thứ nhất, tình tiết thuộc những biểu hiện khách quan của tội phạm có ý nghĩa giảm bớt mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi thường gắn liền với sự hạn chế về mức độ nguy hiểm của các dấu hiệu thuộc mặt khách quan và hậu quả của tội phạm. Liên quan đến hành vi khách quan thì các tình tiết giảm nhẹ thường là biểu hiện của mức độ thực hiện tội phạm, tội phạm chưa đạt, tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội hoặc do chuyển biến của tình hình hành vi phạm tội không còn hoặc giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội. Liên quan đến hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra, tình tiết giảm nhẹ TNHS thường là biểu hiện về mức độ thiệt hại không lớn, mức độ khắc phục thiệt hại sau khi tội phạm được thực hiện. Ngoài ra, một số tình tiết giảm nhẹ còn là biểu hiện của hoàn cảnh phạm tội đặc biệt do khách quan đưa lại. Phân tích trên cho thấy cơ chế giảm nhẹ TNHS dưới sự ảnh hưởng của các tình tiết thuộc biểu hiện khách quan của tội phạm.

Thứ hai, tình tiết giảm nhẹ TNHS mà do những yếu tố chủ quan của con người gây ra thì vận dụng việc giảm nhẹ TNHS phải gắn liền với những dấu hiệu của lỗi gây ra, như mục đích của phạm tội và động cơ gây ra phạm tội. Trong vấn đề này, tình tiết giảm nhẹ TNHS thường biểu hiện về mức độ hạn chế về lỗi của người phạm tội như bị kích động về tinh thần vì hành vi trái pháp luật của người khác, sự hạn chế về nhận thức do bệnh tật, tuổi chưa thành niên, lỗi của người bị hại hoặc của người thứ ba, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Thứ ba, tình tiết phán ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng hay thuộc thân nhân người phạm tội.

BLHS quy định một số tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS vì lý do nhân đạo như người phạm tội là người già, là phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người phạm tội bị mắc bệnh hiểm nghèo và không còn nguy hiểm cho xã hội, người phạm tội là lao động duy nhất trong gia đình,

nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, nên giảm nhẹ TNHS dựa trên các căn cứ này là sự thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong xử lý tội phạm. Mặt khác, quyết định về TNHS cũng cần được tính tới yêu cầu hạn chế tối đa trong khả năng phát sinh những hệ quả tiêu cực cho những người thân thích của người phạm tội do biện pháp cưỡng chế hình sự, sao cho phán quyết của Tòa án về TNHS phải đạt lý thú tình.

Việc chia nhóm theo cách phân loại trên cho thấy tính chất tương đối trong phân loại các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Có một số tình tiết có tác dụng giảm nhẹ TNHS theo nhiều căn cứ.

Về mặt lý luận: cách phân giải này đã lý giải được cơ chế tình tiết giảm nhẹ TNHS, việc miễn, giảm TNHS được đặt ra khi có căn cứ để khẳng định về sự giảm bớt mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, của nhân thân người phạm tội hoặc vì lý do nhân đạo. Đây là cách tiếp cận hợp lý cho phép làm rõ những nét đặc thù trong cơ chế giảm nhẹ TNHS của từng nhóm tình tiết, góp phần hoàn thiện những hiểu biết về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, lý giải sâu sắc vì sao một tình tiết được coi là giảm nhẹ TNHS.

Ý nghĩa về mặt thực tiễn: Phân tích cơ chế giảm nhẹ TNHS của các nhóm tình tiết cho thấy những đặc điểm đặc thù của cơ chế này đối với từng nhóm.

Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động lập pháp của nước ta. Nhà làm luật sử dụng lý luận về căn cứ giảm nhẹ TNHS, quy định đầy đủ và toàn diện các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Hơn nữa, những quy định của pháp luật cho phép sử dụng những tình tiết giảm nhẹ TNHS ngoài các quy định của PLHS để làm giảm nhẹ TNHS nói đòi hỏi người xét xử phải trang bị đầy đủ kiến thức, và sự hiểu biết cần thiết về các nguyên tắc giảm nhẹ TNHS nói chung, nó là sự biểu hiện đặc thù của việc áp dụng có lợi cho người phạm tội nhằm giảm nhẹ TNHS.

1.2. Vai trò của tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

1.2.1. Vai trò tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt

Phân tích các quy định của BLHS năm 1999 có liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS, cũng như việc áp dụng tình tiết tăng nặng này trong thực tiễn xét xử, chúng ta có thể nhận thấy vai trò của chúng đối với việc quyết định hình phạt ở một số bình diện dưới đây.

- Trong xây dựng điều luật thì cấu trúc của bất kỳ điều luật cụ thể nào thể hiện trong Phần các tội phạm BLHS, thì các nhà nghiên cứu về luật của ta cũng đều có các quy định về khung hình phạt không giống nhau. Đối với mỗi khung hình phạt sẽ có các quy định về mức hình phạt tối đa và tối thiểu, điều đó còn tùy thuộc vào tính chất, mức độ gây ra sự nguy hiểm cho cộng đồng xã hội đối với hành vi phạm tội tương ứng. Do vậy, khi Tòa án xác định bị cáo phạm tội ở khung hình phạt nào, thì Tòa án cũng không được xét xử phạt bị cáo cao hơn mức cao nhất của khung hình phạt đã quy định mặc dù bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết tăng nặng khác nhau. Nhìn chung, quy định này là để tránh sự cho bị cáo không bị tăng mức hình phạt vượt khung như đã quy định theo pháp luật, và nó cũng chỉ làm thay đổi mức độ phạm tội mà không làm thay đổi tính chất tội phạm của người phạm tội.

Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS một cách chính xác là nhằm đảm bảo việc xử phạt một cách nghiêm minh theo đúng pháp luật đối với các loại tội phạm theo đúng tính chất và hành vi của người phạm tội. Người phạm tội gây ra tội nào có khung hình phạt nào thì đều phải chịu mức hình phạt tương ứng theo điều luật đã được quy định trong BLHS. Bên cạnh đó, việc các tội phạm phạm tội còn được xem xét với từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể như địa điểm, hoàn cảnh gây ra phạm tội, không gian, thời gian và các công cụ, phương tiện gây án, tính chất tội phạm và hành vi phạm tội, cũng như hậu quả gây ra ảnh

hưởng đến cộng đồng xã hội, tài sản của nhà nước và nhân dân như thế nào thì việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS mới được xem xét một cách thấu đáo.

- Khi có đồng phạm cùng phạm tội thì Tòa án cần xem xét, cân nhắc nhằm áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS một cách chính xác đối với người phạm tội, Người nào phạm tội thì Tòa án chỉ được phép áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đối với bản thân người ấy, mà không được áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đối với những người đồng phạm khác.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng, không phải mọi tình tiết tăng nặng TNHS đều có thể áp dụng cho tất cả mọi người và tất cả các loại tội phạm, mà chúng còn tùy thuộc và tính chất và mức độ phạm tội của tội phạm, phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh khác nhau thì chúng ta phải áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS khác nhau.

Ngoài ra các loại tội phạm khác nhau thì tình tiết tăng nặng TNHS cũng khác nhau nên ý nghĩa của của tăng nặng khác nhau đối với mỗi loại tội phạm. Điều này có nghĩa là đối với mỗi loại tội phạm, tùy theo tính chất và mức độ mà có các tình tiết phạm tội khác nhau thì chúng ta áp dụng khác nhau, chứ không áp dụng chung một khung hình phạt đối với mọi người phạm tội. Có như vậy, mới tăng được tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, và có ý nghĩa giáo dục, cảm hóa người phạm tội.

- Trường hợp người phạm tội vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ TNHS, Tòa án phải có quan điểm toàn diện, đánh giá khách quan ý nghĩa của từng tình tiết và nhất là không được thiên lệch, có khuynh hướng nghiêng về tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS. Liên quan đến nội dung này tại điểm 4 mục B phần II trước đây Nghị quyết số 01/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 19/01/1989 đã hướng dẫn cụ thể với nghĩa sau: *“Với trường hợp một vụ án có cả tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS thì Tòa án phải xem xét, đánh giá một cách toàn diện các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, không coi trọng tình tiết này mà giảm nhẹ tình tiết khác, trách nhìn nhận một cách chủ quan, duy ý chí, tránh nhìn nhận*

một cách phiến diện, một chiều đã vội kết án gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho người phạm tội cũng như dễ dàng bỏ lọt tội phạm. Nếu tình tiết tăng nặng tương đương với tình tiết giảm nhẹ thì Tòa án cũng không được áp dụng khoản 3 Điều 38 BLHS năm 1985. Ngược lại, nếu các tình tiết giảm nhẹ nhiều hơn tình tiết tăng nặng thì Tòa án có thể áp dụng khoản 3 của Điều 38 quy định trong BLHS năm 1985”. Ngược lại, nếu tình tiết tăng nặng có ý nghĩa tăng nặng đáng kể, tình tiết giảm nhẹ không đáng kể thì đây là trường hợp tăng nặng và phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc.

- Như vậy, khi chúng ta xem xét, xử lý áp dụng một cách chính xác “*tình tiết tăng nặng TNHS của mỗi vụ án hình sự điều đó có nghĩa là chúng ta tôn trọng của các cơ quan tư pháp hình sự đối với các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam đã quy định, tôn trọng luật pháp, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật; mặt khác trong thực tiễn áp dụng PLHS, cũng như việc Tòa án áp dụng đối với các nguyên tắc quyết định hình phạt thể hiện tính nguyên tắc của pháp luật*” [Xem: 8, tr.12].

- Trong quá trình giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội, Tòa án cần phân biệt tình tiết tăng nặng TNHS nào là tình tiết định tội, là tình tiết định khung hay tình tiết tăng nặng TNHS chung, cũng như thấy được mối liên hệ chặt chẽ hữu cơ giữa chúng với nhau trong một vụ án hình sự. Ngoài ra, để giải quyết một cách chính xác một vụ án hình sự nào đó, thì các cơ quan tư pháp hình sự, Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền cần phải xác định rõ tội danh, khung hình phạt tương ứng và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đúng với quy định của BLHS đã quy định. Tóm lại, các loại tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ này có mối liên hệ và vai trò bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình định tội theo khung hình phạt cũng như lượng hình phạt đối với người phạm tội hình sự.

Tóm lại, đối với các một vụ án hình sự cụ thể thì sau khi xác định được tình tiết định tội tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS thì Tòa án mới xác định được tình tiết định khung hình phạt. Mặt khác, tình tiết định khung có ý nghĩa tác

động trở lại với tình tiết định tội. Bởi vì, đó là căn cứ không thể thiếu để đánh giá mức độ gây nguy hiểm đối hành vi phạm tội của tội phạm. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS chỉ được xác định khi đã định được tội danh và khung hình phạt cụ thể theo quy định của BLHS. Do vậy, khi xem xét hành vi phạm tội đối với tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS là các bước thực hiện nhằm cụ thể hóa khi đánh giá mức độ gây nguy hiểm đối với các hành vi phạm tội, từ đó làm sáng tỏ tính chất và mức độ nguy hiểm của toàn bộ tội phạm, làm tiền đề giúp cho Tòa án đưa ra được một biện pháp xử lý đúng đắn.

Từ ý kiến hoàn toàn đúng đắn, khoa học và bảo đảm sức thuyết phục của PGS.TS Đào Trí Úc là: *“Pháp luật, dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống...”* [35, tr.209].

1.2.2. Vai trò tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt

Giảm nhẹ TNHS có vai trò quan trọng trong quá trình xét xử đối với người phạm tội, nó không chỉ thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật mà còn thể hiện tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước, và có ý nghĩa giáo dục.

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội thì căn cứ để giảm nhẹ hình phạt phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo cho Tòa án xét xử một cách khách quan, chính xác, hợp tình, hợp lý, tránh gây tranh cãi, thiếu các dẫn chứng khách quan khoa học. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS phải được thực hiện của khung hình phạt đã được quy định nhưng không được giảm nhẹ dưới mức độ khung hình phạt đã được quy định. Nếu giảm xuống vượt mức độ thấp nhất của khung hình phạt thì phải chuyển sang khung hình phạt khác nhẹ hơn so với khung hình phạt đã quy định.

- Khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, điều đó có nghĩa là Đảng và Nhà nước ta trên tinh thần nhân đạo và khoan hồng đối với tội phạm tự thú, không quanh co chối tội, tìm mọi kẽ hở để trốn tội, tự giác khai báo người đồng phạm, có ý thức tự giác khai báo thành thật, lập công chuộc tội, thấy hối

hận khi phạm tội, ăn năn hối cải, tự giác sửa chữa sai lầm cũng như tự giác bồi thường thiệt hại cho người bị hại hoặc tài sản của nhà nước và nhân dân; Đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu có ý thức ăn năn hối cải thì Tòa án có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt tù, có thể giao cho các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức xã hội giáo dục tại địa phương, hoặc gia đình bị cáo giám sát giáo dục tại gia đình.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS làm thay đổi mức độ nguy hiểm chứ không làm thay đổi tính chất nguy hiểm của tội phạm.

- Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt có vai trò tác động tích cực tới người phạm tội trong việc giáo dục người phạm tội, hạn chế hậu quả, tác hại của tội phạm, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm.

1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng tám 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Ngay sau khi cách mạng tháng tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã quan tâm đặc biệt đến công tác xây dựng pháp luật, trong đó có PLHS, nhằm bảo vệ trật tự, trị an xã hội, bảo vệ chính quyền nhân dân. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký một số sắc lệnh để làm căn cứ truy tố, xét xử các loại tội phạm, đặc biệt là tội phản quốc, phản nhân dân. Tuy nhiên, phải đến khi ra đời Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN; Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân và trải qua thực tiễn xét xử hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao được tổng kết thì PLHS mới có tính hệ thống tương đối đầy đủ. Mặc dù các văn bản pháp luật hình sự còn nằm nhiều chỗ khác nhau nhưng nhìn chung cũng thể hiện tính thống nhất và có hệ thống, đảm bảo tính

khoa học. Như vậy, bên cạnh các tình tiết tăng nặng định khung, thì còn có các tình tiết tăng nặng chung được thể hiện trong Điều 18 về Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản của công dân và Điều 19 về Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng. Mặc dù vậy, do có nhiều văn bản pháp luật khác nhau quy định về tình tiết tăng nặng nên khi vận dụng sẽ gây ra nhiều khó khăn cho Tòa án khi xét xử các vụ án cụ thể, dẫn đến thiếu tính nhất quán, dễ gây ra tranh cãi giữa Thẩm phán và các luật sư cũng như dư luận xã hội.

Theo bản tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự của Tòa án nhân dân tối cao năm 1976 thì tình tiết tăng nặng được phân chia thành 3 nhóm:

- Những tình tiết tăng nặng thuộc về phương diện khách quan của tội phạm;
- Những tình tiết tăng nặng thuộc về nhân thân người phạm tội;
- Những tình tiết tăng nặng thuộc về phương diện chủ quan của tội phạm;

So với các tội xâm phạm tài sản khác thì xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa được coi là tội xâm phạm nặng nhất, và sẽ bị xét xử với mức tình tiết tăng nặng đặc biệt nhất, với mức khung hình phạt cao nhất. Xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa được xem là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng so với các loại xâm phạm tài sản khác. Mặc dù cũng là xâm phạm tài sản nhưng xâm phạm tài sản của công dân, tổ chức thì mức hình phạt có thể là 15 đến 20 năm tù nhưng nếu xâm phạm đến tài sản quốc gia, tài sản xã hội chủ nghĩa thì mức hình phạt tăng lên định khung cao nhất là có thể tử hình.

Chúng ta có thể thấy rằng, mặc dù trong giai đoạn này nền kinh tế - chính trị xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức, một mặt phải lo xây dựng đất nước, mặt khác phải lo chống thù trong giặc ngoài nhưng hệ thống pháp luật của nước ta về tình tiết tăng nặng thời kỳ này cũng tương đối có hệ thống và dần dần hoàn thiện, nó phản ánh sự quan tâm đến tình hình tội phạm xâm phạm đến tài sản của nhà nước và công dân.

Đối với các hình vi thuộc tính chất khách quan và chủ quan khi phạm tội đã được thể hiện một cách hợp lý và hợp pháp, thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội một cách đầy đủ theo chiều hướng tăng lên của tội phạm theo nhiều khía cạnh khác nhau thì việc quy định tình tiết tăng nặng là hết sức cần thiết, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật được vận dụng một cách triệt để, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, khách quan trong xét xử và sẽ đạt được mục đích của quy định pháp luật.

Với chế độ phong kiến kéo dài, cùng với sự đo hộ của thực dân Pháp, hệ thống pháp luật của nước ta trước cách mạng tháng 8 là một hệ thống pháp luật mang tính phong kiến, mang tính giai cấp, nhằm phục vụ cho mục đích của giai cấp thống trị. Sau khi xóa bỏ hệ thống pháp luật của thực dân phong kiến đương thời, thì hệ thống pháp luật mới dần được xây dựng và được hình thành nó trở thành cơ sở, căn cứ quan trọng để phục vụ sự nghiệp giữ gìn độc lập tự do của đất nước, đồng thời xây dựng xã hội mới. Trong thời gian đầu khi mới giành được chính quyền từ tay thực dân pháp và chế độ phong kiến tay sai, thì các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS mới chỉ mang tính khái quát chứ chưa có hệ thống quy định chi tiết cụ thể đối với mỗi loại tội phạm. Tuy nhiên, điều đó cũng cho thấy việc mở rộng khả năng áp dụng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thời kỳ này trong quyết định hình phạt cũng đã được áp dụng và đề cập.

Sau khi cách mạng thành công, công cuộc xây dựng đất nước được hình thành một cách tương đối rõ nét, miền Bắc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời là hậu phương vững chắc cho miền nam, nên hệ thống pháp luật quy định về quyết định hình phạt được ghi nhận rõ ràng hơn và có hệ thống hơn, xem xét một cách đầy đủ và tương đối toàn diện về mức độ gây ra nguy hiểm cho xã hội, đến nhân thân bị cáo, đến tình tiết tăng nặng cũng như giảm nhẹ hình phạt. Với hướng dẫn Báo cáo này đã cho chúng ta thấy đây là một bước tiến bộ về mặt khoa học hình sự của nước ta trong bối cảnh đất nước còn khó khăn. Đây cũng là cơ sở cho việc căn cứ quan trọng để sau này các nhà

làm luật ra các quyết định hình phạt, và quy định các tình tiết giảm nhẹ cụ thể hơn so với trước đây.

1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định tội

Đến năm 1985 tình tiết tăng nặng TNHS vẫn khẳng định tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa là tình tiết tăng nặng đối với việc xâm hại tài sản của nhà nước. Điều đó được thể hiện rõ trong Bộ luật về chế định Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa ở chương IV, so với quy định trước đây về các tình tiết tăng nặng TNHS thì các tội tương ứng trong chương VI về chế định Các tội xâm phạm quyền sở hữu của công dân thì có mức hình phạt sau này nặng hơn. Bên cạnh đó, cũng có sự khác nhau về sở hữu tài sản bị xâm phạm là tài sản xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985, một số tình tiết tăng nặng TNHS định tội đã xuất hiện, cụ thể: Tình tiết phạm tội đối với trẻ em, người chưa thành niên là tình tiết tăng nặng định tội trong các tội xâm phạm tình dục như Điều 112a, Điều 113a khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung

Những tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong BLHS năm 1985 sử dụng một số tình tiết tăng nặng TNHS chung như vừa nêu làm tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong một số tội phạm như: tình tiết *phạm tội có tổ chức* quy định tại Điều 129 BLHS.

Bên cạnh đó, cũng có nhiều tình tiết khác làm tăng nặng TNHS chẳng hạn như: Phạm tội có tính chất côn đồ, phạm tội nhiều lần, phạm tội có tổ chức, tội cướp giết, công nhiên chiếm đoạt tài sản của nhà nước, v.v..

Trong quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội, với sự phát triển của nền kinh tế thì các vấn đề xã hội cũng biến đổi theo, do vậy, các điều luật cũng có những thay đổi cho phù hợp với các loại tội phạm mới. Do vậy, sau khi BLHS lại tiếp tục được sửa đổi bổ sung qua các năm 1989, 1991... 1997 về các tội

như: tội phạm tham nhũng, tội phạm ma túy, tội phạm tình dục, v.v.. bởi vì các loại tội phạm này đã có những bước phát triển nhanh chóng gây ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước cũng như xâm phạm đến tài sản của công dân. Do vậy các khung hình phạt cũng được tăng lên cao hơn trước nhằm trấn áp các loại tội phạm mới nổi lên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung

Tình tiết tăng nặng TNHS chung được gọi là tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 39 BLHS năm 1985 bao gồm:

- *Phạm tội có tổ chức; phạm tội nhiều lần, xúi giục trẻ em phạm tội;*
- *Lợi dụng đất nước có chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai, hỏa hoạn hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;*
- *Phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt;*
- *Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác trong khi phạm tội hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;*
- *Phạm tội đối với trẻ em, người trên 60 tuổi, người ốm yếu bệnh tật không thể tự vệ được, hoặc người bị lệ thuộc về mặt vật chất đối với mình, công tác hay các mặt khác; phạm tội đối với phụ nữ có thai;*
- *Phạm tội vì mục đích đê hèn, có ý định thực hiện tội phạm đến cùng;*
- *Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;*
- *Phạm tội nhiều lần, tái phạm nhiều lần, tái phạm nguy hiểm cho xã hội và người dân;*
- *Sau khi phạm tội thì tìm mọi cách trốn tránh, có những hành động xảo quyệt, che dấu tội phạm, không thành khẩn khai báo, hung hãn, nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.*

Cùng với dòng chảy của thời gian, nền kinh tế xã hội tiếp tục phát triển, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, nhiều cá nhân có quyền lực, có vị thế đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của nhà nước và nhân dân về cho cá nhân mình, bất chấp mọi luân thường đạo lý của xã hội.

Vì vậy, các nhà làm luật cũng như Chính phủ nước ta đã ban hành thêm Luật bổ sung về tình tiết tăng nặng TNHS đối với tội danh “lợi dụng chức vụ cao để phạm tội” được quy định tại Luật số 04/1997 Quốc Hội khóa IX đã thông qua.

- Sau sửa đổi bổ sung lần thứ nhất năm 1985, BLHS ra đời đã thể hiện một sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc điều hành xã hội theo quy định của pháp luật, nó thể hiện vượt bậc trong ngành lập pháp của nước ta. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Bộ luật này đã được thể hiện một cách chi tiết cụ thể thành một Điều và được tính áp dụng chung cho mọi loại tội phạm. Tại Điều 38 của BLHS các tình tiết giảm nhẹ này được đặt tên là “Những tình tiết giảm nhẹ”.

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 BLHS 1985 đã quy định việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như sau:

“2. Tòa án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, khi quyết định hình phạt, nhưng Tòa án phải ghi rõ trong bản án của hồ sơ.

3. Khi người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì Tòa án có thể áp dụng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà đã quy định trong Điều luật, hoặc Tòa án có thể chuyển sang một hình phạt khác có khung hình phạt nhẹ hơn. Tuy nhiên, việc giảm nhẹ này phải được ghi trong bản án với những lý do xác đáng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, BLHS lại tiếp tục được sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hơn cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Do vậy, đến năm 1999 Đảng và Nhà nước ta lại tiếp tục sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các điều luật một cách tương đối đầy đủ và hệ thống trên cơ sở kế thừa những mặt tích cực của BLHS năm 1985.

1.3.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 có 4 tình tiết giảm nhẹ được sửa đổi bổ sung thêm như: Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả

năng nhận thức mà lỗi đó không phải do mình gây ra; Phạm tội trong trường hợp người thực thi công vụ vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người vi phạm; Người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng bị phạm tội; Người phạm tội là người cha, mẹ, vợ, chồng, con liệt sỹ, người có công với cách mạng. Trong BLHS năm 1999 tình tiết giảm nhẹ đối với người già phạm tội như “người phạm tội là người già” thì saunăm 2015 BLHS đã sửa đổi đổi thành “người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên”. Bởi vì, người già là khái niệm không xác định chính xác khi nào là già, khó định lượng. Do vậy năm 2015 BLHS lấy mốc thời gian là tuổi từ 70 trở lên là người già.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung so với Điều 48 của BLHS năm 1999 đó là: Sửa cụm từ ‘phạm tội đối với trẻ em’ thành ‘phạm tội đối với người dưới 16 tuổi’; sửa ‘người già’ thành ‘người đủ 70 tuổi trở lên’ (điểm i). Bỏ các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng vì đây là các tình tiết định tội, định khung hình phạt mang tính chất định tính và trừu tượng. Do vậy, những tình tiết trước đây mang tính trừu tượng, khó định lượng, gây ra nhiều tranh cãi trong xã hội, thì nay được quy định rõ ràng theo độ tuổi một cách chính xác, để có căn cứ cho Tòa án xem xét xét xử theo khung hình phạt đã quy định.

Bổ sung đối tượng bị xâm hại là "người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức" vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Bỏ tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước; Một số tình tiết tăng nặng TNHS quy định ghép trong một điểm của khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 được tách ra và quy định thành các điểm riêng trong khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 như các tình tiết: phạm tội 2 lần trở lên (điểm g); tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (điểm h); dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội (điểm m); dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội (điểm n). Sửa tình tiết: “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” thành “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” (điểm o).

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1 luận văn đã khái quát một số vấn đề lý luận về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt theo luật hình sự Việt Nam.

Trước hết, luận văn làm rõ một số khái niệm, ý nghĩa và phân loại về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau, nhưng theo tôi, *Tình tiết tăng TNHS là tình tiết tăng nặng mà người phạm tội cố tình vi phạm nhiều lần, vi phạm đối tài sản chung của nhà nước, đối với trẻ em, người già, phụ nữ mang thai, v.v.. đây là căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn.* Nghiên cứu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa về mặt pháp lý và có ý nghĩa về mặt chính trị. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có nhiều loại, nhưng chủ yếu có 3 loại cơ bản đó là: Tình tiết tăng nặng định tội; tình tiết tăng nặng định khung và tình tiết tăng nặng chung.

Bên cạnh đó, luận văn cũng khái quát một số khái niệm, ý nghĩa và phân loại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. *Tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ và là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này.* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng có ý nghĩa về mặt pháp lý và có ý nghĩa về mặt chính trị. Nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có vai trò to lớn trong việc định tội bị can, bị cáo, là căn cứ khoa học giúp việc xử các vụ án hình sự được khách quan.

Như vậy, việc nghiên cứu và khái quát một số vấn đề lý luận về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa quan trọng, nó là cơ sở pháp lý khoa học để luận văn làm sáng tỏ một số vấn đề thực tiễn đang diễn ra ở Hà Tĩnh hiện nay.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TỈNH

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 thì chỉ có các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

a. Phạm tội có tổ chức

Phạm tội có tổ chức là hình thức phạm tội có đồng phạm, có sự cấu kết giữa những người phạm tội với nhau gây nguy hiểm cho xã hội. Phạm tội có tổ chức được quy định rõ trong hệ thống pháp luật của nước ta, cụ thể tại điểm a, khoản 1 điều 48 của BLHS đã quy định.

Phạm tội có tổ chức khi gây nguy hiểm cho xã hội mà đến mức xử lý hình sự thì tùy thuộc vào từng người phạm tội, vai trò của từng cá nhân phạm tội, ai là người cầm đầu, người chỉ đạo thực hiện phạm tội thì mức độ người cầm đầu sẽ bị xử lý TNHS nặng hơn so với người đồng phạm là giúp sức, hoặc bị xúi dục hay bị lôi kéo, ép buộc dẫn đến đồng phạm phạm tội. Do vậy, khi ra quyết định hình phạt, tùy từng vị trí vai trò của người phạm tội và sẽ có khung hình phạt tương ứng nhằm xử lý nghiêm minh trước pháp luật để ngăn ngừa, răn đe, giáo dục người cầm đầu, tổ chức vi phạm pháp luật hình sự, đồng thời cũng không xem nhẹ các đồng phạm. Tùy vào tính chất khách nhau mà có các khung hình phạt khác nhau. Cùng phạm tội như nhau thì khung hình phạt phải như nhau.

b. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Tình tiết này đã được hướng dẫn và quy định rõ ràng tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP, cụ thể phải có đầy đủ những điều kiện sau thì mới áp dụng tình tiết “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*”.

Người phạm tội cố ý phạm tội nhiều hơn năm lần về cùng một loại tội phạm mà không cần phải phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa, nếu chưa hết thời gian truy cứu TNHS hay chưa được xóa án tích.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn được quy định đó là người phạm tội sử dụng các lần phạm tội của mình để làm nghề nuôi sống bản thân và xem phạm tội có được là nguồn sống chính.

c. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan nhà nước, làm chủ các doanh nghiệp có chức, có quyền, dùng chức vụ và quyền lực của mình để tìm kiếm lợi ích của chung thành của riêng cá nhân mình mà lợi ích đó đi ngược với lợi ích chung của xã hội và của cộng đồng. Việc lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội được diễn ra khi người đứng đầu có quyền lực mà quyền lực không được kiểm soát bằng hệ thống pháp luật, thậm chí người có chức có quyền lợi dụng các kẽ hở của pháp luật, luồn lách tránh luật pháp để phạm tội nhưng không bị phát hiện. Người phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để phạm tội thì được xem là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định. Tuy nhiên, nếu người có chức vụ quyền hạn phạm tội mà không sử dụng chức vụ quyền hạn của mình để phạm tội thì không được xem là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của pháp luật.

Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội khi nó không phải là tình tiết định tội hoặc định khung thì được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt.

d. Phạm tội có tính chất côn đồ

Phạm tội có tính chất côn đồ là hành vi phạm tội có tính chất coi thường pháp luật, coi thường mạng sống của người khác, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đe dọa, ép buộc người khác làm theo ý mình, hoặc vô cớ, hay viện nguyên

có thể phạm tội đối với người khác. Phạm tội có tính chất côn đồ đã được đề cập tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1995 và hướng dẫn tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và TAND tối cao. Phạm tội có tính chất côn đồ thường là xâm phạm tài sản, sức khỏe, tính mạng và danh dự người khác, làm cho người khác mất uy tín, mất năng lực phòng vệ, phạm tội có tính chất côn đồ thường gây gổ một cách vô cớ, coi thường pháp luật cũng như những giá trị đạo đức xã hội.

d. Phạm tội vì động cơ đê hèn

Phạm tội vì động cơ đê hèn là hành vi phạm tội được thực hiện với động cơ, mục đích xấu xa, thấp hèn, phạm tội có tính chất đáng khinh bỉ, thiếu danh dự, phẩm chất của một con người. Phạm tội vì động cơ đê hèn thể hiện ý thức đạo đức pháp luật non kém, thiếu nhận văn nhân đạo trong cư xử giữa con người với con người, thể hiện tính bội bạc, ích kỷ, xem thường tính mạng và tài sản của người khác.

Trong phạm tội vì động cơ đê hèn thì mức độ ích kỷ, xấu xa, thấp hèn càng cao thì tình tiết tăng nặng TNHS càng cao cho mỗi hành vi phạm tội.

e. Cố tình thực hiện phạm tội đến cùng

Phạm tội đến cùng là phạm tội có tính chất quyết liệt, thực hiện bằng được mục đích của mình, mặc dù có người can ngăn, có người cản trở hoạt động phạm tội của mình nhưng người phạm tội vẫn quyết tâm thực hiện. Phạm tội đến cùng thể hiện mức độ nguy hiểm cho xã hội, khi gây tội thường dẫn đến tội đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự.

Phạm tội đến cùng có mức tăng nặng TNHS cao khi mức độ thể hiện phạm tội cao, phụ thuộc vào mức độ cản trở đối với người phạm tội. Nếu mức cản trở càng cao mà người phạm tội vẫn cố tình thực hiện bằng được phạm tội đến mục đích cuối cùng thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao.

g. Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ 2 lần trở lên mà hành vi phạm tội đã cấu thành tội phạm, phạm tội nhiều lần có thể cùng một loại tội hoặc có thể hiểu loại tội khác nhau thì đều được xem là phạm tội nhiều lần, chứ không nhất thiết phải phạm cùng một loại tội thì mới được xem là phạm tội nhiều lần.

Phạm tội nhiều lần được xem xét các tình tiết tăng nặng TNHS càng cao khi mức độ phạm tội càng nhiều lần, ngoài ra còn phụ thuộc và tính chất và mức độ phạm tội nguy hiểm cho xã hội mà mỗi lần bị cáo thực hiện.

Tái phạm là khái niệm đã được quy định tại khoản 1, Điều 49 BLHS, chúng ta có thể hiểu, tái phạm là người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích, song lại tiếp tục phạm tội do cố ý hoặc vô ý gây ra hậu quả nghiêm trọng thì được gọi là tái phạm.

Khái niệm về tái phạm, theo BLHS năm 1999 có đặc điểm sau:

Tái phạm là loại tội phạm đã bị kết án một lần với một tội phạm bất kỳ được quy định trong BLHS, có thể là tái phạm cùng loại tội nhưng cũng có thể không cùng loại tội phạm cùng tính chất với tội đang bị xét xử, không phân biệt tội đó là tội nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng, hoặc tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng, dù tội đó được thực hiện do cố tình hay do vô tình gây ra nguy hiểm cho xã hội thì đều được coi là tái phạm.

- Theo điểm a và điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999 thì Tái phạm nguy hiểm được hiểu là *tội phạm đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố tình vi phạm, và án tích chưa được xóa mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng, hay đặc biệt nghiêm trọng hoặc tái phạm.*

Tái phạm nguy hiểm theo BLHS năm 1999 có đặc điểm sau:

Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, không phân biệt tội đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng.

Tội phạm nguy hiểm là tội phạm đã hai lần trở lên phạm tội rất nghiêm trọng, hoặc 2 lần phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng do vô tình phạm tội và mỗi lần đã bị kết án.

Việc tăng nặng TNHS của loại tội phạm này còn tùy thuộc vào mức độ gây nguy hiểm mà bị cáo đã thực hiện đối với xã hội. Nếu đã từng tái phạm nguy hiểm nhưng lại tiếp tục tái phạm nguy hiểm nữa thì mức tăng nặng TNHS nặng hơn.

h. Phạm tội đối với phụ nữ có thai, trẻ em, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người già trên 70 tuổi, hoặc đối với người lệ thuộc về mặt vật chất hay công việc hoặc các vấn đề khác.

Theo Th.s Đinh Văn Quế, trong bài viết: “*người bị hại trong vụ án hình sự*”, đăng trên Tạp chí TAND, số 12/1997 thì phạm tội đối với trẻ em được hiểu là “*người phạm tội xâm phạm trực tiếp, hay gián tiếp đến trẻ em làm ảnh hưởng đến tính mạng, nhân phẩm danh dự, sức khỏe, và các quyền khác của trẻ em có được theo quy định của BLHS đã quy định*”.

Theo quy định của pháp luật thì người dưới 16 tuổi được quy định là trẻ em. Nội dung này đã được thể hiện tại Điều 1 trong Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nước ta.

Tùy theo độ tuổi khác nhau của trẻ em mà mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này sẽ khác nhau, nếu trẻ em càng nhỏ tuổi, khả năng tự vệ thấp thì mức độ tình tiết tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai chúng ta có thể hiểu là *người phạm tội xâm phạm trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến tính mạng, nhân phẩm, danh dự và sức khỏe của người phụ nữ đang mang thai cũng như các quyền khác của phụ nữ mang thai*.

Tùy theo thời kỳ thai nghén của người phụ nữ mang thai khác nhau mà mức độ tăng nặng tình tiết TNHS cũng khác nhau. Người phụ nữ mang thai càng ít tháng thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại, người phụ nữ mang thai càng nhiều tháng thì mức độ nhẹ hơn. Ngoài ra, còn phụ thuộc

vào mức độ nguy hiểm đến tính mạng của người mang thai mà người phạm tội gây ra thì mức độ tăng nặng TNHS cũng tăng theo.

Phạm tội đối với người già chúng ta có thể hiểu là người phạm tội xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và các quyền lợi khác của người đủ 70 tuổi trở lên thì được xem là phạm tội đối với người già.

Căn cứ để tăng nặng TNHS của loại tội này là phụ thuộc vào độ tuổi của người bị phạm tội, người bị phạm tội có tuổi đời càng lớn thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại. Tuy nhiên, đây không phải và vấn đề bắt buộc nhưng có ý nghĩa đối với việc tăng nặng TNHS nhằm răn đe, giáo dục những người phạm tội. Mặt khác, tăng nặng TNHS còn tùy thuộc vào mức độ trình độ và uy tín của người bị phạm tội, người càng có uy tín và trình độ càng cao thì người phạm tội xâm phạm sẽ bị xử lý càng nặng, và ngược lại những người có uy tín thấp hơn thì mức tăng nặng cũng thấp hơn so với cùng loại tội.

Phạm tội đối với người không tự vệ được là người phạm tội đã xâm phạm tới sức khỏe, danh dự và nhân phẩm cũng như những quyền khác mà người bị xâm phạm không có khả năng phòng vệ cho bản thân. Ví dụ, đánh một người già yếu, ốm đau bệnh tật nằm trên giường bệnh, hay đánh người bị bệnh tâm thần, đánh người không điều khiển được hành vi của mình.

Tình tiết tăng nặng TNHS đối với loại tội phạm này phụ thuộc vào mức độ lệ thuộc của bị cáo và người bị phạm tội, cũng như phụ thuộc vào nghĩa vụ của người phạm tội đối với nạn nhân. Ngoài ra còn phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm của bị cáo đối với nạn nhân, nếu mức độ nguy hiểm càng cao thì tình tiết tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

i. Xâm phạm tài sản của nhà nước

Xâm phạm tài sản của Nhà nước có nghĩa là người phạm tội trực tiếp hay gián tiếp gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và của nhân dân.

Người phạm tội xâm phạm đến tài sản của nhà nước càng lớn thì mức độ tăng nặng càng cao và ngược lại, người phạm tội xâm phạm đến tài sản của

nhà nước càng thấp thì mức độ tăng nặng càng thấp. Tức là tùy thuộc vào giá trị tài sản mà người phạm tội xâm phạm đến.

k. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

Hậu quả của tội phạm là những thiệt hại do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. Gây hậu quả nghiêm trọng là mức độ hậu quả do tội phạm gây ra lớn hơn so với mức quy định bình thường của pháp luật.

Người gây hậu quả nghiêm trọng sẽ có các mức tăng nặng TNHS khác nhau, điều này còn tùy thuộc vào hậu quả mà người phạm tội gây ra ở mức độ nào, người phạm tội gây hậu quả càng nghiêm trọng thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng là người phạm tội gây ra thiệt hại rất lớn, lớn hơn mức gây hậu quả nghiêm trọng về tài sản và sức khỏe tính mạng của người khác.

Người phạm tội rất nghiêm trọng cũng có các tình tiết tăng nặng TNHS khác nhau, điều đó cũng tùy thuộc vào mức độ gây thiệt hại lớn hay nhỏ, nếu gây thiệt hại càng lớn thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

Còn phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là loại hình phạm tội do người phạm tội gây thiệt hại đặc biệt lớn, lớn hơn mức tội phạm gây ra tội rất nghiêm trọng.

Tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng có mức độ tăng nặng TNHS phụ thuộc vào hành vi phạm tội gây thiệt hại cho xã hội ở mức độ nào, nếu gây thiệt hại càng nghiêm trọng thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại sẽ chịu mức tăng nặng TNHS nhẹ hơn.

l. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng hoàn cảnh có chiến tranh để thực hiện tội phạm. Người thực hiện tội phạm mà lợi dụng đất nước có chiến tranh để thực hiện phạm tội

được thuận lợi hơn, khó bị phát hiện hơn hay có thể đạt được mục đích nhiều hơn.

Tùy vào mức độ lợi dụng chiến tranh để phạm tội nhiều hay ít hay tùy thuộc vào mức độ chiến tranh nhiều hay ít mà mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự sẽ cao hay thấp khác nhau.

m. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại

Dùng thủ đoạn xảo quyệt trong khi phạm tội, là người phạm tội có những mánh khóe, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại hoặc những người khác khó lòng thấy được để đề phòng.

Tùy thuộc vào từng mức độ xảo quyệt, hành vi tham hiểm, tàn nhẫn của người phạm tội khác nhau mà tình tiết tăng nặng TNHS sẽ khác nhau. Thủ đoạn càng xảo quyệt, càng nham hiểm bao nhiêu thì mức độ tăng nặng TNHS sẽ cao bấy nhiêu và ngược lại.

Thủ đoạn được hiểu là người phạm tội sử dụng mọi cách thức, hình thức xảo quyệt để gây tội và gây nguy hại cho nhiều người thì được xem là tình tiết tăng nặng TNHS dù thủ đoạn đó có xảy ra hay không.

Thủ đoạn càng nguy hiểm, càng xảo quyệt cũng như hậu quả xảy ra càng lớn thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại. Do vậy, mức độ tăng nặng TNHS của tội này còn tùy thuộc vào mức độ gây nguy hiểm của thủ đoạn mà người phạm tội đã gây ra và thực tiễn của loại tội này gây ra cũng như hậu quả của nó ảnh hưởng đến xã hội như thế nào.

n. Xúc giục người chưa thành niên phạm tội

Người dưới 18 tuổi được xem là người chưa thành niên, việc xúc giục người chưa thành niên phạm tội là hành vi kích động, dụ dỗ người chưa thành niên phạm tội.

Với số lượng xúc giục người chưa thành niên phạm tội khác nhau thì mức độ tăng nặng TNHS cũng khác nhau. Xúc giục càng nhiều, độ tuổi càng thấp thì tình tiết tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

o. Có hành động xảo quyệt, hoặc hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm

Là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm để trốn tránh TNHS, người phạm tội đã sử dụng những thủ đoạn tinh vi, để đánh lạc hướng điều tra phát hiện của các cơ quan chức năng như: sửa chữa hóa đơn chứng từ, thay đổi hiện trường... hoặc dùng bạo lực để tấn công, uy hiếp người phát giác.

Tùy theo từng mức độ hung hăng, xảo quyệt khác nhau mà tình tiết tăng nặng TNHS cũng khác nhau. Mức độ hung hăng càng cao thì tăng nặng TNHS càng lớn và ngược lại.

2.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS gồm các tình tiết sau:

a. Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm

Người phạm tội có ý thức ngăn chặn tác hại của tội phạm, không cho tác hại của tội phạm xảy ra, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, ít gây nguy hiểm cho xã hội hơn thì được xem là người ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.

Tùy thuộc vào mức độ tích cực của người ngăn chặn tội phạm không để xảy ra nguy hiểm cho xã hội, cũng như hạn chế được tác hại của tội phạm thì được xét xét tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định.

b. Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, sửa chữa lỗi vi phạm, và bồi thường thiệt hại cho người bị phạm tội,

Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị phạm tội bằng nhiều cách thức khác nhau để làm giảm bớt hậu quả do mình gây ra. Tùy theo từng mức độ khắc phục hậu quả và thời điểm khắc phục cũng như hoàn cảnh gây ra phạm tội thì mức độ giảm nhẹ TNHS cũng được xem xét tương ứng. Bên cạnh đó cũng có những trường hợp phạm tội có

ý thức, chấp nhận khắc phục toàn bộ thiệt hại do mình gây ra thì cũng được xem xét giảm nhẹ TNHS theo quy định của pháp luật.

c. Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Phạm tội do phòng vệ vượt quá giới hạn chính đáng là hành vi phạm tội mà người phạm tội sử dụng sự phòng vệ của mình chống lại tội phạm vượt mức cần thiết gây nguy hiểm cho bản thân và xã hội nhằm bảo vệ lợi ích cần thiết cho nhà nước, gia đình và xã hội cũng như bản thân.

Đây là một tình tiết giảm nhẹ đặc biệt về TNHS, bởi lẽ người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trong một số bối cảnh đang có một sự tấn công trái phép từ phía người bị hại và vì bảo vệ các lợi ích nói trên mà buộc phải chống trả lại sự xâm hại. Đó chính là cơ sở giảm nhẹ đặc biệt về TNHS của tình tiết giảm nhẹ này.

d. Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức yêu cầu của tình thế cấp thiết

Là trường hợp phạm tội do đang muốn tránh một mối nguy hiểm trực tiếp đe dọa lợi ích của Đảng và Nhà nước, của tổ chức chính trị xã hội, quyền và lợi ích chính đáng của bản thân hay của người khác mà đã vô tình hay cố ý gây ảnh hưởng đến hậu quả vượt quá tình thế cấp thiết.

Phạm tội trong trường hợp này thì việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn phụ thuộc vào mức độ gây nguy hiểm cũng như mức độ gây thiệt hại do sự phòng vệ của mình gây ra trên thực tế.

đ. Phạm tội trong trường hợp bị kích động tinh thần

Đây là hình thức phạm tội mà người phạm tội trong trạng thái không bình thường về mặt tinh thần do bị kích động của bị hại hay của người khác dẫn đến người phạm tội không làm chủ được bản thân.

Tùy vào mức độ phạm tội và tùy vào trạng thái tinh thần của người phạm tội mà mức độ giảm nhẹ TNHS sẽ khác nhau. Nếu tinh thần bị kích động càng cao thì mức độ giảm nhẹ TNHS càng nhỏ và ngược lại.

e. Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra

Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có nghĩa là người phạm tội trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn khách quan quy định mà người phạm không chủ đích phạm tội. Ở đây hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hiểu là hoàn cảnh do khách quan chi phối mà tự mình không gây ra phạm tội được.

Người phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được giảm TNHS tùy thuộc vào khả năng khắc phục của người phạm tội. Thực tế cho thấy rằng, mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phần lớn tùy thuộc vào hoàn cảnh khách quan mà rơi vào hoàn cảnh hết sức khó khăn.

g. Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn

Người phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là loại tội phạm đã phạm tội nhưng chưa gây ra hậu quả lớn cho xã hội vì những nguyên nhân khách quan mà người phạm tội gây thiệt hại không lớn nằm ngoài ý muốn của người phạm tội, như: phạm tội nhưng được phát hiện kịp thời nên hậu quả gây ra là không lớn hay không gây ra thiệt hại xấu cho xã hội do được sự ngăn chặn từ những người khác.

Tùy vào từng mức độ thiệt hại mà các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác nhau. Nếu người phạm tội gây ra thiệt hại lớn thì tình tiết giảm nhẹ TNHS ít, ngược lại nếu người phạm tội mà gây thiệt hại ít thì tình tiết giảm nhẹ TNHS sẽ cao hơn, điều đó tùy thuộc vào từng mức độ thiệt hại cụ thể. Mặc dù vậy, hiện nay vẫn chưa có công văn hướng dẫn nào nói rõ thế nào là thiệt hại không lớn, nên gây khó khăn cho việc áp dụng vào xử lý tội phạm.

h. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

Tình tiết “Phạm tội lần đầu” chỉ có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội nếu việc “lần đầu” phạm tội đó “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện trong phạm vi một khung hình phạt.

i. Phạm tội vì bị người khác đe dọa, hoặc cưỡng bức

Phạm tội do bị người khác đe dọa là hành vi phạm tội bị ép buộc, đe dọa bởi người khác dẫn đến bản thân phạm tội.

Tùy thuộc vào thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức và mức độ gây nguy hiểm mà tình tiết tăng nặng TNHS khác nhau. Thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức càng nguy hiểm thì mức độ tăng nặng TNHS càng cao và ngược lại.

k. Phạm tội do lạc hậu

Phạm tội do trình độ lạc hậu được hiểu là trường hợp phạm tội do sự hạn chế về mặt nhận thức có tính chất thủ cựu, ngược với sự tiến hóa của xã hội. Sự hạn chế này do điều kiện sống đưa lại nên nó có ý nghĩa giảm TNHS.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này tùy thuộc vào mức độ lạc hậu ít hay nhiều, nguyên nhân của tình trạng lạc hậu đó là do khách quan hay còn do cả chủ quan. Đối với người phạm tội mà trình độ lạc hậu bắt nguồn chủ yếu là hoàn cảnh địa phương (như sống ở vùng sâu, xa, trình độ dân trí tại địa phương thấp, mức độ phát triển mọi mặt của địa phương còn chậm, chính quyền chưa có biện pháp cụ thể để nâng cao trình độ văn hóa, bài trừ hủ tục) thì mức giảm nhẹ TNHS sẽ cao hơn các địa phương bình thường khác.

l. Người phạm tội là phụ nữ có thai

Người phạm tội là phụ nữ mang thai là người thực hiện phạm tội trong thời kỳ thai có những thay đổi về mặt tâm sinh lý của thai nhi dẫn đến hành vi phạm tội trong trạng thái bị kích động, hạn chế khả năng kiểm soát các hành động của bản thân nên gây ra phạm tội.

Tùy thuộc vào tình trạng của thai nhi, độ tuổi của thai nhi mà người phạm tội được xem nhẹ TNHS khác nhau.

m. Người phạm tội là người già

Người phạm tội là người già (Điểm m khoản 1 Điều 46), “Người già” được xác định là người từ 70 tuổi trở lên, Nghị quyết 01/2016/NQ-HĐTP).

Người phạm tội là người 70 tuổi trở lên tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt thì cũng không nên áp dụng tình tiết này như tội xâm phạm tình dục của người phụ nữ.

Mức độ giảm nhẹ còn tùy thuộc vào độ tuổi, sức khỏe của người phạm tội và tội phạm đã thực hiện.

n. Người phạm tội là người có bệnh hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình

Người phạm tội trong trường hợp này đã thực hiện tội phạm bị hạn chế khả năng nhận thức hành vi và tình trạng này không phải do lỗi của chủ thể như do bị lừa dối nên đã sử dụng nhằm chất kích thích mạnh.

Tùy thuộc vào tình trạng bệnh tật của người phạm tội, mức độ về khả năng của nhận thức hoặc điều khiển hành vi của người phạm tội mà mức độ giảm nhẹ của tình tiết này được thực hiện theo đúng khung hình phạt.

o. Người phạm tội tự thú

Khái niệm thế nào là tự thú tưởng như đã thống nhất được trong lý luận, nhưng trong thực tiễn áp dụng trong pháp luật còn có những nhìn nhận khác nhau. Thông thường tự thú được hiểu là “trường hợp tội phạm chưa bị phát giác mà người phạm tội tự nguyện tự giác, thành thật tự thú với cơ quan chuyên trách”.

Tùy thuộc vào thời gian tự thú, những điều kiện hoàn cảnh của tự thú, nếu tự thú giúp cho các cơ quan điều tra tiến hành điều tra được dễ dàng, phát hiện ra tội phạm hoặc có thêm đồng phạm thì mức độ giảm nhẹ TNHS được giảm đi đáng kể, thậm chí là được miễn hình phạt.

p. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối

Trong thực tiễn xét xử, thành khẩn khai báo được hiểu là trường hợp tội phạm đã bị phát giác, nhưng khi điều tra, xét xử, người phạm tội tự nguyện khai báo và thấy được tội lỗi.

Tùy thuộc vào sự thành khẩn khai báo, giai đoạn thành khẩn khai báo và giá trị của những khai báo mà tình tiết giảm nhẹ khác nhau. Nếu thành khẩn khai báo và giá trị của những lời khai báo có ý nghĩa quyết định thì mức độ giảm nhẹ TNHS sẽ cao hơn, ngược lại nếu quanh co chối tội, khai báo khi các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp nghiệp vụ thì mức độ giảm nhẹ TNHS sẽ giảm thậm chí bị tăng mức độ TNHS. Để đánh giá chính xác giá giảm nhẹ của tình tiết này chúng ta không chỉ dựa vào thời điểm của sự thành khẩn khai báo mà chúng ta còn phải căn cứ vào giá trị của việc khai báo thành khẩn ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, xét xử của các cơ quan tố tụng.

Ăn năn hối cải là hành động của người phạm tội hối hận việc mình đã gây ra nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được lỗi do mình gây ra, thành khẩn khai báo và quyết tâm cải tạo tốt, thực hiện tốt những quy định của pháp luật để sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Tùy thuộc vào sự thành khẩn, ý thức chấp hành pháp luật của người phạm tội cũng như sự sẵn sàng chấp nhận hình phạt của pháp luật là cơ sở để xem xét giảm nhẹ TNHS của người phạm tội. Việc khai báo thành khẩn, chấp hành chủ trương pháp luật của nhà nước là yếu tố quan trọng trong việc xem xét tội phạm cũng như tin vào khả năng cảm hóa được tội phạm. Mặt khác, việc khai báo thành khẩn còn giúp cho cơ quan nhà nước tiến hành điều tra được tội phạm một cách nhanh chóng, đỡ mất thời gian đồng thời tìm ra được nút thắt của vụ án một cách nhanh nhất.

q. Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm

Trường hợp này được hiểu người phạm tội đã có hành vi cung cấp tin tức tài liệu, bằng chứng có ý nghĩa thiết thực trong việc phát hiện tội phạm và xử lý đúng đắn vụ án.

Tính chủ động, mức độ giúp đỡ các cơ quan nhằm phát hiện, điều tra tội phạm cũng như những giá trị mà những thông tin, tài liệu mang lại, bằng chứng tội phạm mà người phạm tội đã cung cấp cho các cơ quan điều tra;

Ngoài ra, hiệu quả của những tin tức của người phạm tội cung cấp thì mức độ giảm nhẹ TNHS được xét xét xử lý theo quy định của pháp luật.

r. Người phạm tội đã lập công chuộc tội

Tình tiết “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” chúng ta có thể hiểu là người tội phạm sau khi phạm tội cho đến trước khi đưa ra Tòa án xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, v.v..), không những nhận thức được tội lỗi của mình gây ra mà còn tích cực giúp đỡ các cơ quan điều tra phát hiện tội phạm do người phạm tội thực hiện, mặt khác tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện, ngăn chặn kịp thời những tội phạm khác, cũng như tham gia tích cực phát hiện tội phạm, bắt giữ kẻ phạm tội giao cho các cơ quan chức năng, có ý thức thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Đảng và Nhà nước, và các lợi ích chính đáng của nhân dân... được các cơ quan chức năng chứng nhận hay khen thưởng.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này thể hiện ở thái độ hối lỗi sâu sắc của người phạm tội, không dừng lại ở mức độ tự mình tu sửa bản thân, mà còn biến sự hối lỗi đó thành hành động tích cực có ích cho xã hội.

s. Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác

Theo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: Người phạm tội có thành tích xuất sắc học tập, trong công tác, trong sản xuất kinh doanh, v.v.. là người được khen thưởng một trong các loại sau: huân huy chương, bằng khen, cũng như bằng lao động sáng tạo, hoặc bằng sáng chế phát minh nhiều hơn so với năm là chiến sĩ thi đua của bản thân.

Tùy vào mức độ thành tích xuất sắc mà người phạm tội lập công được. Nếu thành tích càng cao thì mức độ giảm nhẹ TNHS càng nhỏ, ngược lại nếu mức độ lập công thấp thì TNHS càng cao. Đối với tội đặc biệt nghiêm trọng thì tình tiết này không có ý nghĩa giảm nhẹ tội phạm nhiều.

Bên cạnh giảm nhẹ TNHS đã được quy định rõ trong BLHS tại khoản 1, khoản 2 điều 46 thì “*Khi Tòa án ra quyết định hình phạt, thì có thể coi tình tiết giảm nhẹ là tình tiết khác, nhưng Tòa án phải nghi rõ trong nội dung bản án*”. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ khác thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của hệ thống pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, nhằm có lợi cho bị cáo, có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục cải tạo người phạm tội, nhằm đưa người phạm tội hòa nhập lại cộng đồng xã hội.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS có nghĩa là cho phép Tòa án tùy cơ ứng biến áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nhằm có lợi cho bị cáo nhưng không có nghĩa là xem xét dưới khung hình phạt. Về vấn đề này có ý kiến gợi ý rằng nên chẳng không cho phép áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác về TNHS, để tránh tình trạng tùy tiện trong áp dụng pháp luật. Mặc dù vậy, BLHS năm 1999 vẫn tiếp tục quy định về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác về TNHS. Như vậy, tại khoản 2 Điều 46 BLHS thể hiện sự cần thiết của hệ thống pháp luật khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu công bằng xã hội, cũng như tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo tính giáo dục bị can, bị cáo.

Tổng kết thực tiễn áp dụng PLHS trước khi ban hành BLHS năm 1999, Tòa án nhân dân tối cao đã có *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng* năm 1990 và 1992 hướng dẫn các tình tiết giảm nhẹ khác là những tình tiết sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội có thành tích xuất sắc phải đạt được một trong các thành tích sau đây, đó là bị cáo là người có công với cách mạng hoặc được Nhà nước phong tặng khi có thành tích xuất sắc một trong các danh hiệu như sau: anh hùng lao động trong sản xuất kinh doanh, anh hùng lực lượng vũ trang trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, v.v.. hay các đạt được các danh hiệu cao quý khác, ngoài cha, mẹ, con, vợ, anh chị em của bị cáo đạt được một trong các danh hiệu trên thì cũng được xem xét giảm nhẹ TNHS theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình phạm tội nếu người phạm tội là người có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất kinh doanh, trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc, trong công tác mà đã được Nhà nước tặng thưởng một trong cách loại huân huy chương, bằng lao động khoa học sáng tạo, bằng khen của Chính phủ, v.v.. có giá trị hay trong nhiều năm liên tục được công nhận là chiến sĩ thi đua.

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ chồng, bố mẹ hoặc con là liệt sĩ;

- Bị cáo là người tàn tật do tai nạn lao động trong công tác;

- Bị cáo sau khi phạm tội đã lập công chuộc tội;

- Người bị hại cũng có lỗi;

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác phòng chống bão, cấp cứu, lũ lụt.

- Việc giảm nhẹ TNHS đặt ra nhằm thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước trong xử lý tội phạm khi người phạm tội có quan hệ thân thiết với những người có công với nước, được tặng thưởng danh hiệu cao quý hoặc bản thân người phạm tội là thương binh, người bị tàn tật nặng trong tai nạn lao động hoặc công tác.

- Đối với tình tiết “người bị hại có lỗi” thì việc giảm nhẹ TNHS dựa trên cơ sở mức độ lỗi hạn chế trong việc thực hiện tội phạm.

Tóm lại, việc quy định quyền tùy nghi của Tòa án được lựa chọn một tình tiết tuy không được quy định trong luật là tình tiết giảm nhẹ cho phép cân nhắc đầy đủ các tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt. Đây là cơ sở pháp lý bảo đảm cho hình phạt được quyết định tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giao cho Tòa án quyền tùy nghi rộng như vậy không có nghĩa cho phép sự tùy tiện trong việc giảm TNHS. Bởi việc áp dụng tình tiết khác làm tình tiết giảm nhẹ phải có căn cứ tức là phải phù hợp với các tiêu chí để xác định một tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS. BLHS cũng quy định cơ chế kiểm tra tính có căn cứ trong việc vận

dụng các tình tiết trong việc giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS bằng cách buộc Hội đồng xét xử phải ghi rõ trong bản án về những tình tiết đó và lý do giảm nhẹ của chúng (Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999).

2.3. Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

2.3.1. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh là một tỉnh ở dải đất miền Trung, nằm trong vùng Bắc Trung Bộ. Hà Tĩnh có tới 14 con sông lớn nhỏ và nhiều hồ nước. Là tỉnh nằm trong khu vực nhiệt đới, gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều, nhiệt độ trung bình là 23,7°C, Hà Tĩnh có diện tích 6.055,6 km², dân số toàn tỉnh tính đến năm 2015 đạt 1.286.786 người, mật độ dân số đạt hơn 97 người/km². Theo thống kê của Tổng cục thống kê, tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2015, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 5 thành phần dân tộc chính, đông nhất là dân tộc Kinh chiếm gần 99%. Tỉnh Hà Tĩnh có 13 huyện thị, trong đó bao gồm 01 thành phố và 02 thị xã còn lại là huyện. Trên địa bàn tỉnh hiện có một Tòa án nhân dân tỉnh, mười Tòa án nhân dân cấp huyện được tổ chức theo quy định của Luật tổ chức Tòa án năm 2002.

Về kinh tế, kinh tế chủ đạo của Hà Tĩnh chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

2.3.2. Tình hình áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Đánh giá tổng quan tình hình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012 đến năm 2017

Để đánh giá tổng quan tình hình xét xử các vụ án hình sự của TAND tỉnh Hà Tĩnh, tôi khảo sát thực tiễn xét xử hàng năm từ 2012 đến năm 2017 của TAND tỉnh Hà Tĩnh. Số liệu thống kê thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Bảng thống kê số liệu xét xử theo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ các vụ án hình sự từ năm 2012-2017 của TAND tỉnh Hà Tĩnh

Năm	Tổng số vụ hình sự đã giải quyết		Số bị cáo áp dụng tình tiết tăng nặng	Tỉ lệ (%)	Số bị cáo áp dụng tình tiết giảm nhẹ	Tỉ lệ (%)
	Vụ án	Bị cáo				
2012	585	1056	30	2,9	602	58,2
2013	736	1487	25	4,7	607	48
2014	732	1469	23	1,5	608	42
2015	841	1551	19	1,3	601	39,2
2016	784	1403	16	1,3	617	44
2017	699	1285	10	0,8	621	50,1
TỔNG	4330	8120	123	1,5	3656	45,2

[Nguồn của TAND Tỉnh Hà Tĩnh]

Khảo sát thực tế số liệu thống kê từ năm 2012 đến năm 2017 về số vụ án hình sự đã giải quyết của TAND tỉnh Hà Tĩnh cho thấy: hầu hết số vụ án hình sự của năm sau đều tăng so với năm trước.

Qua bảng thống kê chúng ta thấy rằng số lượng vụ án hình sự mà Tòa án tỉnh Hà Tĩnh giải quyết trong những năm qua là khá nhiều, nhìn chung kết quả xét xử trong các năm qua đều đạt kết quả khá tốt. Tòa án về cơ bản xử lý đúng quy định của pháp luật theo khung hình phạt đã quy định, các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đều nỗ lực hết mình nhằm mang lại kết quả tốt cho các vụ án được xét xử một cách nhanh chóng đúng người, đúng tội, hạn chế được mức thấp nhất những vụ án oan sai, xử người vô tội, điều đó đóng góp một phần không nhỏ cho việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian qua. Các thành viên Hội đồng đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong xem xét các vụ án hình sự, thận trọng khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS đối với các bị can, bị cáo

đúng với tinh thần pháp luật theo quy định của BLHS để áp dụng khung hình phạt phù hợp với mức phạm tội gây ra.

Nhìn chung, trong việc giải quyết những vụ án hình sự ở Hà Tĩnh cơ bản là tốt, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như đảm bảo tính tuyên truyền giáo dục người phạm tội hòa nhập với cộng đồng, các vụ án đều đảm bảo tiến độ của ngành và đạt được các tiêu chí đề ra. Tỷ lệ tạm dừng, điều tra lại, hủy án được hạn chế ở mức thấp nhất, Tuy nhiên, trên thực tế thì vẫn còn một số vụ án Tòa án xét xử chưa thật phân minh, gây ra một số tranh cãi trong tố tụng hình sự, điều đó cho thấy vẫn còn một số thiếu sót, khuyết điểm trong xét xử các vụ án hình sự.

Thông qua hồ sơ phiên tòa chúng tôi nhận thấy một số vụ án trong phần xét hỏi và tranh tụng chưa thật sự đảm bảo tính khách quan, xét hỏi còn phiến diện một chiều, không đảm bảo đầy đủ tính pháp lý dẫn đến thiếu tính khách quan trong vấn đề xét xử vụ án, làm vụ án bị áp dụng các khung hình phạt bị sai lệch dẫn đến bỏ lọt tội phạm, hệ thống pháp luật bị bóp méo dẫn đến thiếu tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời dẫn đến thiếu niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan quản lý nhà nước về pháp luật. Việc kiểm tra sơ yếu lý lịch của người phạm tội còn thiếu trong biên bản phiên tòa xét xử. Ví dụ: kiểm tra bao gồm các vấn đề gì, kiểm tra như thế nào, kiểm tra xem có gì mâu thuẫn tại phiên tòa với hồ sơ không, v.v.. tất cả điều đó đều không thể hiện trong biên bản phiên tòa.

Từ những tài liệu thu thập được của các phiên tòa, chúng ta nhận thấy rằng những hạn chế của các phiên tòa ở Hà Tĩnh hiện nay tập trung vào các vấn đề cơ bản như: Ra quyết định hình phạt quá nhẹ, không thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ là không đúng với bản chất của vụ án. Bên cạnh đó, cũng có những vụ án lại đưa ra quyết định hình phạt quá nặng, xác định không đúng tội danh, áp dụng sai khung hình phạt mà pháp luật đã quy định. Cũng có những vụ án áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt theo BLHS không đúng, phiến diện, thiếu

căn cứ khách quan khoa học, đánh giá chứng cứ, xử lý vật chứng cũng như vai trò trong đồng phạm, v.v.. không chính xác; Tòa án có lúc coi nhẹ giải quyết dân sự trong vụ án hình sự.

Thực tế cho thấy rằng việc còn một số thiếu sót, khuyết điểm cũng như những quan điểm khác nhau trong xét xử các vụ án hình sự ở Hà Tĩnh hiện nay, một phần do nguyên nhân khách quan nhưng cũng một phần do những nguyên nhân chủ quan, đó là hệ thống các văn bản hướng dẫn của TAND tối cao chưa thật sự đầy đủ, rõ ràng, rành mạch, cụ thể nên nhiều Tòa án khi vận dụng vào thực tiễn còn nhiều lúng túng, tùy thuộc vào khả năng của từng thẩm phán và chủ tọa phiên tòa nên không tránh khỏi những sai sót nhất định. Điều này dẫn đến một số hồ sơ vụ án có tẩy xóa, hủy bản án làm cho các bị can, bị cáo oan sai thậm chí cũng có trường hợp bỏ lọt tội phạm trong quá trình xét xử của Tòa án. Có thể thấy rằng, năng lực còn hạn chế của các Tòa án cùng với một số văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ đã dẫn đến oan sai, thiếu chính xác, việc áp dụng các khung hình phạt thiếu nghiêm minh làm cho dư luận xã hội bất bình.

Thêm nữa, trên thực tế, trình độ chuyên môn của một số Hội thẩm nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu xét xử. Khi tham gia xét xử, quyền của Hội thẩm nhân dân được pháp luật quy định ngang với Thẩm phán. Điều này có nghĩa là trình độ của Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phải tương đương nhau về trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, không phải phiên tòa nào cũng đạt được điều đó, bởi vì mỗi Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán không phải lúc nào cũng học cùng chuyên ngành sâu như nhau, chưa kể việc học cùng chuyên ngành nhưng trình độ tìm hiểu, tự nghiên cứu và thẩm thấu khác nhau thì nhận thức về pháp luật cũng khác nhau. Bên cạnh đó, việc tập huấn chuyên môn cho các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân còn chưa được thực hiện một cách thường xuyên và chuyên nghiệp, việc cung cấp tài liệu, chứng cứ còn hạn chế, quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn chung chung, chưa

cụ thể, kinh nghiệp công tác cũng chưa được đề cập nhằm đảm bảo chất lượng xét xử các vụ án.

Bảng 2.2: Bảng tổng hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của TAND tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012-2017

Số bị cáo bị xét xử	Tình tiết tăng nặng TNHS đã áp dụng								
	Điểm a	Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ	Điểm e	Điểm g	Điểm h	Điểm i
123	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	3 chiếm tỷ lệ 2,4%	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	20 chiếm tỷ lệ 16,2%	6 chiếm tỷ lệ 4,9%	14 chiếm tỷ lệ 11,4%
Số bị cáo bị xét xử	Tình tiết tăng nặng TNHS đã được áp dụng								
	Điểm k	Điểm l	Điểm m	Điểm n	Điểm o				
123	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%	0 chiếm tỷ lệ 0%				

[Nguồn: 100 bản án của TAND Tỉnh Hà Tĩnh]

Khảo sát việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 qua hoạt động xét xử của TAND tỉnh Hà Tĩnh trong 100 bản án, nhận thấy một số bản án là áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Chúng tôi nhận thấy số lượng vụ án, bị cáo có áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS không nhiều (chiếm 5,5. %). Số bị cáo Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội chủ yếu tập trung đối với tình tiết “phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” là chủ yếu, về cơ bản việc áp dụng tình tiết tăng nặng này là đầy đủ, đúng quy

định, là cơ sở để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo, từ đó chất lượng xét xử các vụ án hình sự được nâng lên.

Trên cơ sở tổng kết công tác xét xử hàng năm, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh không có vi phạm nghiêm trọng khi áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Tình tiết “phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” được áp dụng phổ biến và hầu hết trong các bản án, chiếm tỷ lệ lên tới 16,2%, Ví dụ: Bản án số 28/2015/HSST ngày 17/9/2015 xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hòa và Nguyễn Văn Tuấn, phạm tội “lạm dụng tín dụng chiếm đoạt tài sản” theo điểm g, điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS. Nội dung vụ án như sau: Từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 5 năm 2012, Nguyễn Thị Hòa cùng chồng Nguyễn Văn Tuấn bằng thủ đoạn nhờ một số hộ dân có quan hệ họ hàng, quen biết làm khế ước để vay tiền tại Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Can Lộc, nợ tiền mua con giống, nợ tiền mua thức ăn gia súc với tổng số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi vay mượn tiền Nguyễn Thị Hòa cùng chồng là Nguyễn Văn Tuấn đã bỏ trốn khỏi địa phương, từ bỏ trách nhiệm trả nợ nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 5/2009, Nguyễn Thị Hòa và mẹ là bà Trần Thị Bích đến nhà là bà Nguyễn Thị Nhật đặt vấn đề về kinh doanh thuốc thú y, chị Nhật đồng ý cho vay 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng khi nào cần chị Nhật thông báo trước thì Hòa sẽ trả. Sau khi nhận được tiền Hòa khai đã sử dụng vào kinh doanh thuốc thú y, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả lại số tiền đó cho chị Nhật. Đến tháng 11/2010, không còn khả năng trả nợ nên Hòa đã bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay.

Lần thứ hai: Do có mối quan hệ quen biết, Nguyễn Thị Hòa và chồng là Nguyễn Văn Tuấn đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị Hà là đang cần vốn đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y và vay của chị Hà 2 lần với

số tiền 150.000.000. Đến tháng 3/2011, Hòa không khả năng trả nợ nên bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay.

Lần thứ ba: Ngày 28/4/2012, Nguyễn Thị Hòa và Nguyễn Văn Tuấn đến nhà đặt vấn đề với chị Trần Thị Ngọc là cần vốn đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y nên muốn vay ít tiền. Hai bên thỏa thuận thống nhất, vợ chồng Hòa, Tuấn thế chấp xe ô tô tải mang BKS 29S – 0978 vay chị Loan 200.000.000 đồng, lãi xuất 3%/tháng. Đến tháng 11/2012, Hòa không còn khả năng trả nợ nên Hòa đã bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Hòa phạm tội “lạm dụng tín dụng chiếm đoạt tài sản” áp dụng điểm g, khoản 1 Điều 48 và tình tiết tăng “xâm phạm tài sản của Nhà nước” theo điểm i khoản 1 điều 48 BLHS xử phạt bị cáo 8 năm tù.

- Về tình tiết “phạm tội với trẻ em”

Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì người thành niên là từ đủ 18 tuổi trở lên; người chưa thành niên là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Ví dụ: Bản án số: 24/2014/HSST, ngày 15/7/2014, vào giữa tháng 6/2013, cháu Trương Thị H. N. (SN 2005, trú cùng thôn) đến nhà Trương Quang Bình để sửa đồng hồ. Sau khi sửa xong đồng hồ, do nảy sinh ham muốn tình dục, Bình đưa cháu N ra sau phòng bếp thực hiện hành vi hiếp dâm đối với cháu N.

Sau đó, Bình đưa cho cháu N. 50.000 đồng, dặn không được kể chuyện này với ai. Chỉ khi N kể lại sự việc cho một người hàng xóm, hành vi đồi bại của ông Bình mới được phát giác. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên phạt bị cáo Trương Quang Bình. phạm tội “hiếp dâm trẻ em” áp dụng điểm h khoản 1 Điều 48 và áp dụng khoản 3 Điều 112 BLHS năm 1999, tuyên phạt bị cáo Bình 12 năm tù.

- Về tình tiết “lợi dụng chức vụ, quyền lực để phạm tội”.

Ví dụ: Bản án số 27/2014/HSST ngày 12/3/2014. Từ đầu năm 2008 đến tháng 6/2016, Đinh Viết Mạnh (SN 1964) – Chủ tịch UBND xã, Phan Văn Thông (SN 1970) – Bí thư Đảng ủy xã, Võ Thị Nhung (SN 1981) – kế toán ngân sách xã, Nguyễn Thị Nhận (SN 1986) – thủ quỹ xã đã lập không 90 bộ hồ sơ hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng, giấy xin thanh toán, giấy rút vốn giải ngân tại Kho bạc Nhà nước với tổng số tiền gần 2,2 tỷ đồng; quản lý tùy tiện không ghi vào sổ nhật ký thu, chi kế toán tiền mặt và sổ quỹ tiền mặt mà lập sổ riêng theo dõi các khoản chi ngoài quỹ ngân sách trái nguyên tắc về tài chính gây thất thoát số tiền hơn 536,2 triệu đồng.

Trong đó, từ năm 2009 - 2012, Đinh Viết Mạnh, Võ Hồng Nhung gây thất thoát số tiền hơn 156,4 triệu đồng; từ 2012 - 2016, Đinh Viết Mạnh, Phan Văn Thông, Võ Hồng Nhung và Nguyễn Thị Thuận gây thất thoát hơn 379,8 triệu đồng.

Đối với Đinh Văn Hồng (SN 1965) là Trưởng ban tài chính đã 2 lần lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ để chiếm đoạt gần 45,3 triệu đồng. tỉnh Hà Tĩnh phạt bị cáo Đinh Viết Mạnh, Phan Văn Thông mỗi người 4 năm tù; Võ Hồng Nhung 3 năm tù; Nguyễn Thị Thuận 2 năm tù; Đinh Văn Hồng 4 năm tù.

• Tình hình áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS của Tòa án nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh

• Tình hình áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999

Tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 tương đối đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, giúp cho việc áp dụng được chính xác. Nhìn chung, hầu hết các bản án mà Tòa án tuyên bố xét xử là đều đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo đúng khung hình phạt của BLHS, các Thẩm phán nhìn chung áp dụng các văn bản hướng dẫn thi hành án một cách tương đối chính xác. Song, cũng có một số trường hợp Thẩm phán chưa hiểu hết được các văn bản

hướng dẫn, cũng như những vấn đề thực tế xảy ra nên việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS cũng có nơi, có lúc chưa thật sự chính xác, khách quan của vụ án. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cũng không loại trừ khả năng một số Thẩm phán có ý định xem xét xử lý sai lệch bản chất của các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS mà pháp luật đã quy định. Để minh chứng cho việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS ở Hà Tĩnh trong những năm qua chúng ta có thể tham khảo bảng thống kê như sau:

Bảng 2.3: Bảng tổng áp dụng tình tiết giảm nhẹ của TAND tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012-2017

Số bị cáo bị xét xử	Tình tiết giảm nhẹ TNHS đã áp dụng								
	Điểm a	Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ	Điểm e	Điểm g	Điểm h	Điểm i
587	0 chiếm tỷ lệ 0%	100 chiếm tỷ lệ 17%	1 chiếm tỷ lệ 0,17%	0 chiếm tỷ lệ 0%	10 chiếm tỷ lệ 1,70%	0 chiếm tỷ lệ 0%	63 chiếm tỷ lệ 10,7%	71 chiếm tỷ lệ 12,1%	0 chiếm tỷ lệ 0%
Số bị cáo bị xét xử	Tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng								
	Điểm k	Điểm l	Điểm m	Điểm n	Điểm o	Điểm p	Điểm q	Điểm r	Điểm s
587	0 chiếm tỷ lệ 0%	2 chiếm tỷ lệ 0,3%	0 chiếm tỷ lệ 0%	3 chiếm tỷ lệ 0,5%	12 chiếm tỷ lệ 2,0%	317 chiếm tỷ lệ 54,1%	0 chiếm tỷ lệ 0%	1 chiếm tỷ lệ 0,17%	2 chiếm tỷ lệ 0,3%

[Nguồn: 100 bản án của TAND tỉnh Hà Tĩnh]

Khảo sát việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 qua hoạt động xét xử của TAND Tỉnh Hà Tĩnh trong 100 bản án, nhận thấy hầu hết các bản án đều áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS để quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Trong tình tiết “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” việc áp dụng giảm nhẹ TNHS hầu hết được áp dụng tương đối đầy đủ trong các bản án, song chưa phải là ở mức cao, hiện nay mới chỉ chiếm 54,1%, so với toàn bộ vụ án. Đối với trường hợp người phạm tội mà không chịu nhận tội thì sẽ không được áp dụng giảm nhẹ TNHS. Điều này thể hiện tinh nghiêm minh của pháp luật. Còn tình tiết “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” do mình gây ra cũng được Tòa án áp dụng tương đối nhiều với bị can, bị cáo, tuy nhiên cũng chưa phải là nhiều, mà hiện nay mới chỉ chiếm tỷ lệ 17%. Bên cạnh đó, tình tiết “*phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại hoặc thiệt hại không đáng kể*” và tình tiết “*phạm tội lần thứ nhất mà ít nghiêm trọng*” thì cũng được nhiều phiên tòa áp dụng. Tình tiết giảm nhẹ TNHS còn lại được áp dụng rất ít hoặc không được áp dụng do pháp luật quy định nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ này một cách chặt chẽ và điều kiện để được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đó cũng rất chặt chẽ.

Từ thực tiễn các vụ án mà Tòa án Hà Tĩnh đã xét xử trong những năm qua so với các vụ án mà Tòa án của cả nước xét xử nói chung thì việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng có những biến đổi tích cực, chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao, do các Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa cũng như HĐXX tự ý thức nâng cao trình độ, chất lượng điều tra chặt chẽ hơn nên kết quả cao hơn nhiều so với các năm trước đó.

Tuy nhiên, cũng có nhiều HĐXX còn vận dụng chưa thống nhất các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn một cách chính xác nhất, nên khi áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ TNHS thì có những sai sót nhất định.

- Về tình tiết “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”.

Khảo sát thực tiễn xét xử nhận thấy Tòa án cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này tương đối nhiều và đa số là chính xác. Song, việc áp dụng các

tình tiết giảm nhẹ TNHS này còn chưa thật sự chính xác trong thực tế các phiên tòa và thiếu tính thống nhất chẳng hạn như: Việc các cơ quan điều tra thu giữ tài sản và trả lại tài sản cho người bị hại mà vẫn được Tòa án xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo là không chính xác, mặc dù Tòa án áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Hay gia đình bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại cho người bị phạm tội nhưng Tòa án lại áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 nhằm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa chính xác, cũng có trường hợp bị cáo chưa đủ tuổi thành niên nhưng được gia đình thay thế bồi thường tuy nhiên Tòa án lại áp dụng khoản 2 Điều 46 để giảm nhẹ TNHS; Thậm chí có hồ sơ tại phiên tòa bị cáo đã khai là nhờ gia đình bị cáo khắc phục hậu quả do mình gây ra nhưng cũng không được thể hiện rõ trong hồ sơ của bị cáo, v.v..

Ví dụ: Trong hồ sơ của Tòa án số 503/2015/HSST ngày 15/9/2015 của TAND khi xét xử bị cáo Nguyễn Văn Anh về tội “Giết người”, HĐXX đã cho rằng gia đình bị cáo chấp nhận bồi thường vật chất do con của mình gây ra cho gia đình người bị hại nhằm được giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS. Tuy nhiên, do bị cáo đủ từ 18 tuổi trở lên mà không tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị phạm tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS là chưa đúng. Ở đây chúng ta thấy rằng, bố mẹ của người phạm tội đã thay con bồi thường thiệt hại về vật chất cho bị hại thì vẫn được xem xét tình tiết giảm nhẹ TNHS như bình thường. Ngoài ra, trong các phiên tòa vẫn có nhiều tranh luận, quan điểm khác nhau khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, có khi thì áp dụng 1 tiết tăng nặng hay giảm nhẹ, có khi lại áp dụng 3 tình tiết, v.v.. nhìn chung vẫn chưa có sự thống nhất giữa các thành viên trong hội đồng xét xử nên dẫn đến một số thiếu sót nhất định, thậm chí bỏ lọt hay oan sai cho bị cáo là vấn đề không thể tránh khỏi. Khi người phạm tội thực hiện một lúc nhiều tình tiết khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ tội cho bản thân như vừa tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả vừa tự nguyện bồi thường thiệt hại, v.v. thì các tình tiết

này chưa được thống nhất bởi các văn bản hướng dẫn áp dụng nên giả sử bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ thì đa số các Thẩm phán không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt dẫn đến thiệt thòi cho bị cáo và cũng không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

- Về tình tiết “phạm tội nhưng thiệt hại không lớn”

Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là một cụm khái niệm mà hiện nay chưa có văn bản thống nhất thế nào là không lớn về vật chất, về tinh thần, về sức khỏe, v.v.. khái niệm này còn mang tính trừu tượng và mơ hồ nên rất khó khăn cho các cơ quan tố tụng xét xử khi có người phạm tội. Việc không quy định bằng định lượng cụ thể chẳng hạn về vật chất, phạm tội bao nhiêu tiền trở xuống thì không lớn, về sức khỏe thì gây tổn hại bao nhiêu % trở xuống là không lớn, v.v..

- Về tình tiết “phạm tội lần đầu nhưng ít nghiêm trọng”.

Phạm tội lần đầu nhưng ít nghiêm trọng là tình tiết vụ án xảy ra khi người phạm tội lần đầu tiên nhưng gây ra hậu quả không nghiêm trọng, xâm hại đến sức khỏe và tài sản của bị hại không đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay một số vụ án được các Thẩm phán xem xét nhiều khi thiếu đi một trong hai tình tiết đó là phạm tội lần đầu mà không xem tình tiết ít nghiêm trọng, hoặc xem xét tình tiết ít nghiêm trọng mà lại không xem xét phạm tội lần đầu nên việc đưa ra xét xử khó có tính khách quan chính xác đối với tội phạm.

- Tình tiết “Người phạm tội đã có ý thức ngăn chặn không cho tác hại của tội phạm gây ra”

Đây là tình tiết mà người phạm tội trong và sau khi phạm tội đã ý thức được tội phạm do mình gây ra gây nguy hiểm cho xã hội nên đã kịp thời dùng các biện pháp ngăn chặn không để tội phạm gây ra, đây được xem là tình tiết để giảm nhẹ TNHS theo bộ luật hình sự của nước ta. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thường gặp phải sự nhầm lẫn với các tình tiết giảm nhẹ khác nên cũng thường dẫn đến một số oan sai khi xét xử nên có một số vụ án

sau khi xét xử đã phải sửa đổi bổ sung, tẩy xóa làm giảm đi tính chính xác của vụ án hình sự tạo nên sự nghi ngờ trong quá trình tố tụng.

- *Tình tiết “Phạm tội do phòng vệ chính đáng”.*

Phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ là hình thức phạm tội khi mình bị đe dọa đến bản thân, bản thân cần được phòng vệ nhưng đã vượt mức cần thiết nên gây ra phạm tội. Phạm tội do hình thức phòng vệ chính đáng mặc dù có nguyên nhân của nó nhưng thực tế tình tiết này rất ít khi được áp dụng, vì thiếu cơ sở chứng minh lúc phòng vệ hay cố tình một cách khoa học, khách quan, trừ trường hợp có nhân chứng, vật chứng, còn lại thì thường được xem xét ở các khía cạnh khác nhau.

Mặc dù phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chưa được xem xét nhiều trong các vụ án hình sự nhưng việc đề cập để giảm nhẹ TNHS của loại phạm tội này là cần thiết, vì một số trường hợp phạm tội do đối mặt nguy hiểm với bản thân buộc người ta phòng vệ chính đáng nhằm bảo vệ sự sống của mình nên đành chống cự lại để tranh giành sự sống. Tuy nhiên, việc phòng vệ bảo vệ bản thân cũng phải có giới hạn, nếu không sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng của người khác dẫn đến mình phạm tội. Nên khi xét xử cần đưa loại tội phạm này vào tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *“Phạm tội trong hoàn cảnh vượt quá yêu cầu của tính cấp thiết”*

Trong tính cấp thiết cần phải phòng vệ cho bản thân cũng như bảo vệ tài sản của mình mà người đó đã gây ra tội phạm. Tuy nhiên, tình tiết này cũng rất ít khi được tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS bởi vì nhiều lúc, nhiều nơi còn nhiều quan điểm khác nhau về tình tiết này, gây nhầm lẫn với các tình tiết giảm nhẹ khác như tình tiết bất ngờ, gây thiệt hại nhưng do lỗi khách quan... nên tòa án ít áp dụng.

- *Về tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn”*

Các Tòa án ít áp dụng tình tiết này bởi vì Tòa án thường áp dụng không chính xác, nên hầu như các HĐXX thường dựa vào các hoàn cảnh khó khăn

của người phạm tội hoặc lúc xét xử. Tuy nhiên, Tòa án thường không xác định hoàn cảnh khó khăn đó là do ai gây ra, nên thiếu các quyết định chính xác, có khi là do người khác gây ra hoàn cảnh khó khăn cho bị cáo...

- *Tình tiết “Bị người khác đe dọa, cưỡng bức dẫn đến phạm tội”*,

Bị người khác đe dọa, cưỡng bức dẫn đến phạm tội, đây là tính tiết được xem nhẹ TNHS, tuy nhiên thực tế Tòa án cũng rất ít khi áp dụng tình tiết này do khó xác định được mức độ đe dọa hay cưỡng bức, nhưng thực tế điều này cũng phải đưa vào luật định vì nó vẫn diễn ra trong thực tiễn.

- *Tình tiết “Phạm tội do lạc hậu”*.

Phạm tội do lạc hậu là hình thức phạm tội do thiếu hiểu biết, mù chữ, sống ở vùng sâu, vùng xa, ít tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng nên sự hiểu biết còn hạn chế. Khi áp dụng tình tiết này đối với người phạm tội thì các Thẩm phán thường chú ý đến tính lạc hậu chung mà ít khi quan tâm đến sự lạc hậu của người gây ra tội phạm nên nhiều khi sự lạc hậu chung chưa chắc đã dẫn đến sự lạc hậu của người phạm tội.

- *Tình tiết “Người phạm tội khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải”*,

Ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn là tình tiết được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết mà hầu hết các phiên Tòa đều áp dụng để khuyến khích người phạm tội khai báo đúng với bản chất của vụ án, giúp các cơ quan chức năng xác định đúng tội. Tuy nhiên, việc khai báo của bị cáo là một việc, còn việc chứng minh sự khai báo đó có thành khẩn hay không là trách nhiệm của các cơ quan chức năng, để từ đó có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội. Trong những năm qua thì việc xét xử các bị cáo khi đề cập đến các tình tiết giảm nhẹ hình sự do ăn năn hối cải và khai báo thành khẩn thì giữa các thẩm phán vẫn còn có các quan điểm khác nhau, tuy nhiên không nhiều. Chẳng hạn, có Thẩm phán chỉ xem xét tình tiết giảm nhẹ là việc bị cáo ăn năn hối cải còn thành khẩn khai báo thì không được xem xét. Cũng có Thẩm phán chỉ xem xét thành khẩn khai báo mà lại không xem xét ăn năn

hồi cải nên dẫn đến việc giảm nhẹ TNHS có sự khác nhau, thậm chí gây thiệt thòi cho người phạm tội.

Bên cạnh đó, các tình tiết như “Bị cáo tội tích cực giúp đỡ các cơ quan chức năng điều tra phá án”; “Bị cáo là người có thành tích cao trong lao động sản xuất kinh doanh, học tập, chiến đấu; người phạm tội là người trên 70 tuổi, người phạm tội là trẻ em dưới 16 tuổi, v.v.. cũng được Tòa án áp dụng trong các vụ án, song để lập công chuộc tội thì phải là người không bị tạm giam, tạm giữ thì họ mới có cơ hội lập công chuộc tội, mới có cơ hội tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, v.v..

Tình hình áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999

Các tình tiết áp dụng để giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được thể hiện theo các văn bản hướng dẫn, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, của Tòa án nhân dân tối cao nhằm trách tình trạng áp dụng tràn lan các tình tiết giảm nhẹ. Chúng ta có thể tham khảo bảng tổng hợp khái quát việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 năm 1999 ở Hà Tĩnh trong những năm gần đây như sau.

Bảng 2.4: Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 của TAND Tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2012- 2017

Năm	Số bị cáo bị xét xử	Số bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS	Tỷ lệ %
2012	55	15	27, 2%
2013	70	20	28, 6%
2014	85	21	24, 7%
2015	65	19	29, 2%
2016	92	30	32, 6%
2017	96	34	35, 4%
Tổng	463	139	30, %

[Nguồn: 100 bản án của TAND tỉnh Hà Tĩnh]

Qua bảng thống kê trên cho thấy, các Tòa án ngày càng quan tâm đến việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, cụ thể tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Hầu hết các vụ án ở Hà Tĩnh trong những năm qua được xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật về tình tiết giảm nhẹ TNHS liên quan đến vấn đề ăn năn hối cải, chấp nhận bồi thường thiệt hại do mình gây ra... Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cũng chủ trương xem xét tất cả các khía cạnh để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là liên hệ với gia đình, người thân của bị cáo nhằm thu thập các chứng cứ, tài liệu liên quan có lợi cho bị cáo để giảm nhẹ TNHS, phối hợp uốn nắn giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật nhằm hưởng sự khoa hồng của Đảng và Nhà nước.

Khi xét xét giảm nhẹ TNHS đối với các tình tiết này thì Tòa án cũng như các cơ quan chức năng đã đánh giá đúng bản chất của hành vi mà bị cáo gây ra, trên tình thần khách quan theo đúng quy định của pháp luật, để tránh tình trạng khiếu kiện về sau.

Song qua thực tiễn các vụ án cho thấy không phải lúc nào Tòa án và các cơ quan chức năng cũng hiểu được hết mức độ của các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của bị cáo, nên dẫn đến nhiều Thẩm phán có nhiều quan điểm khác nhau trong quyết định khung hình phạt cho bị cáo. Chẳng hạn khi xét xét các vụ án hình sự, có vụ án mà các Thẩm phán đã xem xét không đúng tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo như bị cáo hứa sẽ bồi thường thiệt hại do mình gây ra, hay đã xin lỗi người bị phạm tội, tuy nhiên tất cả các tình tiết đó đều không được xem là tình tiết giảm nhẹ hình phạt, bởi vì nó còn mơ hồ, chưa thực hiện bằng hành động cụ thể trong thực tế, chưa đảm bảo việc chắc chắn sẽ thực hiện trong tương lai, v.v.. nên nếu áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không chính xác.

Ví dụ: Phiên tòa xét xử bị cáo Nguyễn Văn Tinh ngày 21 tháng 10 năm 2015 Tòa án nhân dân đã được nghe bị cáo hứa sẽ bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật nhằm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị

cáo mới hứa mà Tòa án đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật là chưa chuẩn xác.

Trên thực tế, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau đối với quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán, cụ thể như sau:

Đối với tình tiết quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 có nội dung: “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước”.

Trong xét xử theo quy định của pháp luật thì Tòa án đã mở rộng người có quan hệ với bị cáo được tặng các danh hiệu cao quý thuộc hàng thừa kế thứ nhất và hàng thừa kế thứ hai, như ông bà, cha mẹ, con cái, cháu ruột thịt, v.v.. để giảm tình tiết TNHS cho bị can, bị cáo. Việc mở rộng các quy định danh hiệu cao quý khác đã khiến cho Tòa án xét xử phải nghiên cứu kỹ càng hơn các tình tiết được chấp nhận giảm nhẹ hình phạt theo quy định. Chẳng hạn như lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua nhiều năm liền thì Tòa án cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết bị cáo phạm tội nhưng gia đình, anh em họ hàng của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần được quy định theo Nghị quyết 01/2000 đã mở rộng phạm vi bồi thường thiệt hại cho bị hại. Điều này có lợi cho bị cáo nhằm khắc phục những khó khăn cho bị hại, đồng thời giảm nhẹ được những hậu quả có thể xảy ra trong tương lai.

Chẳng hạn, TAND Hà Tĩnh đưa ra xét xử bị cáo Hoàng Văn Tươi về tội “Hủy hoại tài sản”, Tòa án nhận định gia đình và người thân bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên đề nghị Tòa án được xem xét

đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật được quy định trong BLHS Việt Nam hiện nay.

Tình tiết “Bị cáo là người tàn tật do từ 31% trở lên do tai nạn lao động hoặc công tác” được quy định trong hệ thống pháp luật. Một số HĐXX đã sử dụng khoản 2 Điều 46 BLHS để xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo vì bị cáo thương tật trên 31% nhưng lại không xác định xem bị cáo bị tai nạn do nguyên nhân gì. Thực ra quy định này đã hạn chế các tai nạn khác không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS chẳng hạn như bị cáo bị tai nạn do lũ lụt, do tai nạn giao thông, do hỏa hoạn, v.v.. đây là hạn chế của quy định về bị cáo là người tàn tật chiếm trên 31% do bị tai nạn lao động hoặc học tập, nên hạn chế quyền lợi được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Bên cạnh đó, khi giải quyết các vụ án thì Tòa án nhân dân Hà Tĩnh vẫn còn một số vấn đề sau đây.

Khi Tòa án xét xử và qua hồ sơ vụ án chúng tôi thấy rằng, có một số trường hợp chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng lại được liệt kê vào khoản 2 Điều 46 có 02 nội dung được giảm nhẹ hình phạt TNHS là chưa chính xác. Ví dụ như trường hợp “phạm tội do thiếu hiểu biết gây hậu quả ít nghiêm trọng” được pháp luật quy định theo BLHS, ở đây có 2 tình tiết được xem xét giảm nhẹ, đó là tình tiết thiếu hiểu biết và tình tiết phạm tội lần đầu nên phải được xem xét cả 2 tình tiết giảm nhẹ mới đúng với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên cũng có Hội đồng xét xử khi xét xử đã thiếu các căn cứ khách quan của vụ án đã vội đưa ra khung hình phạt cho các tình tiết giảm nhẹ. Chẳng hạn, trường hợp sử dụng mở rộng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng lại không điều tra xem xét kỹ các trường hợp mở rộng đó có thực sự là tình tiết giảm nhẹ TNHS thật sự hay không như phạm tội vì bị người khác đe dọa, ép buộc, phạm tội vì bị rủ rê, phạm tội vì nể nang, do hạn chế về nhận thức hiểu biết về pháp luật, phạm tội do bộc phát, nhất thời, phạm tội trong trường

hợp là người có công với cách mạng, là lực lượng sống ở vùng sâu, vùng hải đảo, đang bị bệnh tâm thần, bệnh nan y, hoặc sức khỏe không đảm bảo...

Qua thực tế những năm qua chúng tôi nhận thấy rằng giữa Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân tối cao khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS là chưa thật sự thống nhất ở một số quan điểm. Điều này cũng nói lên rằng, một mặt là trình độ nhận thức và hiểu biết sâu các quy định của pháp luật là chưa đồng đều, mặt khác là các văn bản hướng dẫn cũng chưa thật sự cụ thể nên dẫn đến một số bản án đã quyết định xét xử nhưng vẫn có chỗ chưa hài lòng bị can, bị cáo thậm chí chưa thật hài lòng dư luận xã hội của như các thành viên trong HĐXX.

2.3.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản

Qua nghiên cứu báo cáo tổng kết công tác các năm vừa qua của TAND tỉnh Hà Tĩnh, một số tồn tại phổ biến và kéo dài qua các năm đó là tình trạng “*Một số ít trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS hoặc cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ chưa chính xác*”, hạn chế, bất cập này được thể hiện ở các phương diện sau:

- *Hạn chế trong việc nhận thức và áp dụng các quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.*

Thứ nhất, Tòa án chưa áp dụng chính xác các tình tiết tăng nặng TNHS trong một số các vụ án. Một số vụ án còn có hiện tượng tẩy xóa, sửa bản án, thậm chí hủy bản án do áp dụng thiếu chính xác một số tình tiết tăng nặng TNHS. Nhìn chung việc thiếu chính xác khi áp dụng các quy định của pháp luật về tình tiết tăng nặng TNHS của Tòa án nhân dân Hà Tĩnh trong thời gian qua là do cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, nên hầu như năm nào cũng xảy ra. Có một số vụ án không áp dụng hay áp dụng không chính xác tình tiết tăng nặng TNHS. Ví dụ: Bản án số 16/2016/HSST ngày 17/8/2016 của TAND tỉnh Hà Tĩnh tuyên bị cáo Nguyễn Văn Chương phạm tội cướp giật tài sản, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999, các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Nhưng

Tòa án lại không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 đối với bị cáo Nguyễn Văn Chương là không không đúng với quy định của BLHS năm 1999.

Thứ hai, do sai sót trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, một số người có trách nhiệm nghiên cứu không kỹ, thậm chí không hiểu hết các tình tiết, nhưng chúng ta cũng đặt vấn đề là một số người cố tình không xem xét hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS dẫn đến áp dụng không đúng khi đưa ra xét xử, có khi thiếu một vài tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng TNHS. Bên cạnh đó, Tòa án cũng có sự nhầm lẫn do vô tình hay cố ý như khi áp dụng tình tiết tăng nặng, và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị can, bị cáo phạm tội có đồng phạm, hay phạm tội có tổ chức rồi Tòa án đều áp dụng chung đối với các bị cáo khác làm cho các quyết định của Tòa án đối với tội phạm thiếu chính xác. Chẳng hạn: Trong vụ án xâm phạm sở hữu có nhiều người thực hiện hành vi phạm tội, có bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất nhiều lần, có bị cáo thì phạm tội độc lập một lần và cùng thực hiện với bị cáo khác một lần, một số Tòa án huyện sẽ bỏ qua việc áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần (đối với bị cáo có một hành vi độc lập và một hành vi phạm tội cùng với bị cáo khác). Ví dụ: Bản án số 23/2014/HSST ngày 16/4/2014 của TAND tỉnh Hà Tĩnh theo cáo trạng ngày 18/6/2013. Vợ chồng Nguyễn Văn Tư và Cao Thị Tuyết cùng tham gia thực hiện hành vi lừa đảo nhiều người để đi xuất khẩu lao động sang nước Đài Loan sau đó thì chiếm đoạt tài sản. Trong đó người chồng nhiều lần thực hiện hành vi nhận hồ sơ, nhận tiền của bị hại và có 1 lần cả hai vợ chồng cùng thực hiện, người vợ thực hiện hành vi nhận hồ sơ, nhận tiền của bị hại 1 lần và cùng chồng thực hiện 1 lần với một bị hại khác. Mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội của hai vợ chồng đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" đối với người như vậy sẽ là không chính xác.

Thứ ba: Một số vụ án Tòa án xét xử chưa đúng với thân nhân người phạm tội, xem xét chưa kỹ các yếu tố của người thân tác động, như người thân là bố mẹ, vợ chồng hoặc con cái đã thay bị cáo khắc phục hậu quả nhưng chưa được xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

- Hạn chế do trình độ năng lực, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán là nhân vật trung tâm quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân, thực tiễn xét xử các loại vụ án. Để mà đạt được mục tiêu cải cách tư pháp, trước hết chúng ta phải quan tâm đến đội ngũ thẩm phán và chất lượng hoạt động của họ. Nâng cao chất lượng thẩm phán được xem là nhiệm vụ then chốt, có vai trò quyết định của công cuộc cải cách tư pháp.

Nhìn chung, trong thời gian qua chất lượng đội ngũ thẩm phán TAND đã có chuyển biến tích cực, có trình độ và phẩm chất chính trị chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, xét xử khách quan, công tâm đúng pháp luật các vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, một số người có trách nhiệm vẫn chưa nêu cao hết tinh thần trách nhiệm đối với công việc của mình, dẫn đến xét xử thiếu khách quan và chính xác, gây oan sai cho bị cáo.

Như vậy, chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của Tòa án và thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt trong giai đoạn hiện nay.

Nguyên nhân của những hạn chế

- Về nguyên nhân khách quan

Đầu tiên là phải kể đến đó là nguyên nhân về pháp luật và hướng dẫn pháp luật nói chung, PLHS nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu như đã phân tích.

Tiếp đến, về phía địa phương, các loại vụ án mà TAND tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ngày càng phức tạp, nhiều vụ án mới phát sinh trên địa bàn, kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn hạn chế.

Khi giải quyết các vụ án thì các tài liệu chứng cứ liên quan được điều tra thu thập còn thiếu và chưa đầy đủ, thậm chí là thiếu chính xác dẫn đến các căn cứ để Tòa quyết định hình phạt là không chính xác. Nhiều vụ án xảy ra đã lâu nên trong việc thu thập các chứng cứ cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Đội ngũ cán bộ, công chức tuy là đã được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu sót trong giải quyết công việc.

- Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh nguyên nhân khách quan dẫn đến việc áp dụng chưa được đầy đủ, chính xác các tinh tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, thì một phần là do lỗi chủ quan của các Thẩm phán, của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chưa thật sự sát sao, nhận thức còn một số hạn chế, chưa hiểu hết các văn bản hướng dẫn, các thông tư, nghị định... cũng chưa điều tra kỹ càng khi ra quyết định hình phạt nên dẫn đến những vụ án oan sai, thiếu sót. Vẫn còn một số ít cán bộ, công chức thiếu ý thức cầu thị, phấn đấu tự học tập, rèn luyện tư cách, phẩm chất đạo đức, kỷ luật công vụ nên hiệu quả, chất lượng công tác chưa cao. Một số cá nhân thiếu trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ vụ án, thiếu giám sát việc điều tra xét xử, truy tố bị can, bị cáo. Nhìn chung một số cán bộ được giao trọng trách điều tra, xét hỏi, xử lý các vụ án chưa làm trọn nhiệm vụ được giao, chưa chủ động học hỏi nghiên cứu các tài liệu liên quan, chưa làm việc hết sức mình để vụ án giảm tối thiểu sai sót.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 luận văn tập trung làm rõ một số quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trước hết luận văn nêu lên Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt gồm các điểm như: Phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, lợi dụng chức vụ và quyền hạn để phạm tội; Phạm tội có tính chất côn đồ; Phạm tội vì động cơ đê hèn; Cố tình thực hiện phạm tội đến cùng; Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc về mặt vật chất, công tác hoặc các mặt khác, v.v.. Bên cạnh đó, luận văn cũng nêu ra Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm các điểm như: Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm; Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, v.v..

Trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1999 quy định, đối chiếu với thực tiễn ở Hà Tĩnh hiện nay, luận văn nhận thấy rằng, việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt trách nhiệm hình sự ở Hà Tĩnh bên cạnh những mặt tích cực thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Hạn chế trong việc nhận thức và áp dụng các quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt; Bên cạnh đó còn hạn chế do trình độ năng lực, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan như do năng lực cán bộ, năng lực quá trình điều tra xét hỏi...

Từ thực tiễn trên luận văn sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt trách nhiệm hình sự ở Hà Tĩnh hiện nay một cách tốt nhất.

Chương 3

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 VỀ TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG

3.1. Sự cần thiết tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

3.1.1 Những điểm mới quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

- Tình tiết tăng nặng TNHS

Điều 52 BLHS năm 2015 quy định tình tiết tăng nặng TNHS có một số sửa đổi, bổ sung so với Điều 48 của BLHS năm 1999. Sửa cụm từ ‘phạm tội đối với trẻ em’ thành ‘phạm tội đối với người dưới 16 tuổi’; sửa ‘người già’ thành ‘người đủ 70 tuổi trở lên’ (điểm i). Bỏ các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng vì đây là các tình tiết định tội, định khung hình phạt mang tính chất định tính và trừu tượng.

Bổ sung đối tượng bị xâm hại là "người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức" vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Bỏ tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước; tuy nhiên, trong Phần thứ hai “Các tội phạm” tình tiết này vẫn là tình tiết định tội, định khung hình phạt của một số tội. Ví dụ, tội thiếu trách nhiệm của mình nên gây tổn hại đối với tài sản của nhà nước và nhân dân (Điều 179 BLHS năm 2015). Một số tình tiết tăng nặng TNHS quy định ghép trong một điểm của khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 được tách ra và quy định thành các điểm riêng trong khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Ví dụ như tình tiết: phạm tội 2 lần trở lên (điểm g); tái phạm hoặc tái

phạm nguy hiểm (điểm h); dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội (điểm m); dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội (điểm n). Sửa tình tiết: “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” thành “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” (điểm o).

Khác với tình tiết giảm nhẹ, Tòa án không được coi các tình tiết khác là tình tiết tăng nặng TNHS. Ví dụ: Bị cáo quanh co, chối tội, không chịu nhận tội, không thành khẩn khai nhận tội, không ăn năn, hối cải hoặc không khai báo thì Tòa án không được coi đó là thái độ “ngoan cố” để tăng nặng TNHS đối với bị cáo. Về cơ bản, nội dung của tình tiết giảm nhẹ hoặc các tình tiết tăng nặng TNHS đã được hướng dẫn tại điểm c Mục 5 hoặc Mục 6 của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt, do đó áp dụng thừa, thiếu, không đúng nội dung của các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ sẽ dẫn đến quyết định hình phạt không chính xác và sẽ đặt bản án vào nguy cơ bị sửa, thậm chí bị hủy nếu việc áp dụng các tình tiết này tùy tiện, không có căn cứ.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS

Điều 51 BLHS năm 2015 quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS so với Điều 46 BLHS năm 1999 thì có nhiều sửa đổi, bổ sung. Chẳng hạn bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS sự như: phạm tội vượt quá mức cần thiết khi bắt người phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới được quy định trong BLHS năm 2015. Người phạm tội trong trường này có động cơ bắt giữ người phạm tội nhưng khi thực hiện việc này họ đã dùng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt giữ vượt quá mức cần thiết (điểm đ); phạm tội trong trường hợp khả năng nhận thức bị hạn chế điểm l). Đây là tình tiết mới được quy định trong BLHS năm 2015. Người phạm tội trong trường hợp này đã thực hiện tội phạm trong tình trạng bị hạn chế khả năng nhận thức hành vi và tình trạng này không phải do lỗi của chủ thể như do bị lừa dối nên đã sử dụng chất kích mạnh. Người phạm tội là người bị khuyết tật nặng trở lên (điểm p). Đây là

tình tiết mới được quy định trong BLHS năm 2015. Khuyết tật nặng là người phạm tội đang bị khuyết tật một phần cơ thể mà không tự kiểm soát được hành vi làm suy giảm nhận thức, chức năng của cơ thể. Khuyết tật đặc biệt nặng là những người phạm tội bị khuyết tật mất hoàn toàn chức năng của cơ thể cần người trợ giúp các hoạt động của mình. Người phạm tội là người có công với nhà nước và nhân dân, hoặc có cha, mẹ, vợ, chồng, hay con của liệt sĩ (điểm x). Đây là tình tiết mới quy định trong BLHS năm 2015. Việc quy định tình tiết này chủ yếu xuất từ chính sách của Nhà nước đối với người có công trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Sửa đổi tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 theo hướng tạo thêm cơ hội hơn cho người phạm tội được áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Theo đó, tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm" tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 được sửa đổi thành "người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Một số tình tiết giảm nhẹ được quy định ghép trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 đã gây tranh cãi và không thống nhất về nhận thức là một hay nhiều tình tiết giảm nhẹ. Để góp phần khắc phục bất cập này, khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 đã cố gắng tách riêng từng tình tiết giảm nhẹ TNHS và quy định thành những điểm khác nhau. Đối với một số ít các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định chung trong cùng một điểm thì Bộ luật đã sử dụng từ “hoặc” thay cho dấu phẩy trong quy định của BLHS năm 1999 để phân biệt.

Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm luật "đầu thú", nếu bị cáo sau khi thực hiện phạm tội mà tự giác ra đầu thú thì được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của pháp luật. Việc bổ sung quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khuyến khích những người phạm tội đang trốn tránh ra đầu thú để được hưởng khoan hồng, giúp Nhà nước tiết

kiệm chi phí phục vụ cho việc điều tra, truy nã và sớm kết thúc vụ án. Đối với các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại các điểm đ, l, p, x của khoản 1 Điều 51 hoặc điểm k của khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì các Thẩm phán cần nghiên cứu thêm Luật người cao tuổi, Luật Người khuyết tật để hiểu sâu hơn về các quy định mới này.

3.1.2 Nội dung hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

- Hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 về tình tiết tăng nặng TNHS

Cho dù BLHS đã quy định tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn" là tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm đ, khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 và là tình tiết tăng nặng định khung của 3 tội cụ thể: tội giết người tại điểm q, khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015, tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại điểm c khoản 2 Điều 257 BLHS năm 2015 tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em điểm g khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015. Liên quan đến tình tiết này thì đến nay đã có các văn bản hướng dẫn pháp lý hướng dẫn áp dụng khi tình tiết này được quy định là tình tiết định khung tăng nặng. Tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn dù chính thức được ghi nhận từ BLHS năm 1985 (điểm g Điều 39) nhưng sau hơn 32 năm, với hai lần điểm hóa, năm lần sửa đổi bổ sung chưa có một định nghĩa pháp lý rõ ràng quy định thế nào là "phạm tội vì động cơ đê hèn" tại phần chung của BLHS. Do đó, khi tình tiết này không được áp dụng là tình tiết tăng nặng định khung trong phần các tội phạm của BLHS sẽ tạo nên những nhận thức không thống nhất với nhau, còn e dè trong việc áp dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và đặc biệt xem xét áp dụng cá thể TNHS và quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Do đó sẽ dẫn đến việc áp dụng của tình tiết này trên thực tiễn là không cao.

Cho nên, dù đã có những văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng chi tiết này là tình tiết định khung hình phạt như Công văn 452-HS2, Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Thông tư liên tịch số 17/2007, Thông tư liên tịch số 01/2013 của liên ngành Trung ương những văn bản này còn quy định chung chung, còn thực tiễn thì tội phạm vẫn diễn ra rất phức tạp, tính nguy hiểm cho xã hội ngày càng cao. Dẫn đến việc áp dụng đúng, đầy đủ tình tiết này khi cá thể hóa TNHS và quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa đảm bảo được yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội hiện nay.

Do đó, việc hoàn thiện áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong luật là một vấn đề rất sức cần thiết.

Cũng giống như sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của PLHS Việt Nam nói chung, thì tình tiết phạm tội nhiều lần cũng cần được phải hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình tội phạm hiện nay.

Thứ nhất: Quy định phạm tội nhiều lần (phạm tội 02 lần trở lên - BLHS năm 2015) là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng với 83 Điều luật là tương đối đầy đủ. Cho nên, trong thực tiễn áp dụng vì tình tiết phạm tội nhiều lần chưa được điều chỉnh về mặt lập pháp với một khái niệm thống nhất nên dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này. Cũng có không ít người cho rằng phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên về cùng tội phạm. Nhận thức như vậy là chưa thật sự đầy đủ. Hậu quả của sự nhận thức này là, đánh giá tính chất nghiêm trọng của tội phạm khác nhau, áp dụng pháp luật khác nhau, cụ thể là: có áp dụng khung hình phạt có mức phạt cao hơn hay không, hay cũng chỉ là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt.

Thứ hai: Khi mà nghiên cứu về tình tiết phạm tội nhiều lần chúng ta thấy rằng việc phân biệt nó với các tình tiết khác như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay phạm tội có tổ chức là rất khó xác định.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng là phạm tội nhiều lần nhưng để xác định nó là chuyên nghiệp thì phải căn cứ vào mục đích phạm tội. Có tính chất chuyên nghiệp mục đích chính là để nuôi sống người phạm tội và đó là nguồn thu nhập chính, nguồn sống của người phạm tội. Tuy nhiên như thế nào là nguồn thu nhập chính, nguồn sống thì PLHS chưa có sự hướng dẫn cụ thể.

Cũng như trong thực tế, cũng có nhiều người tham gia thực hiện hành vi phạm tội và cùng thực hiện nhiều hành vi đó nhưng có những vụ án thì đó là phạm tội có tổ chức còn có những vụ án đó chỉ là phạm tội nhiều lần. Còn vấn đề then chốt để phân biệt giữa phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần trong trường hợp này chính là "kế hoạch thống nhất từ trước". Điều này có nghĩa là: nhiều người cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch thống nhất từ trước thì được xác định phạm tội có tổ chức. Còn nhiều người cùng phạm tội nhưng không theo một kế hoạch có từ trước thì đó là phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên như thế nào là "kế hoạch đã thống nhất từ trước" thì vẫn chưa được pháp luật hướng dẫn một cách cụ thể.

Qua xem xét sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của PLHS Việt Nam nói chung và về phạm tội nhiều lần nói riêng, luận văn cũng xin đưa ra một số phương án để hoàn thiện các quy định của PLHS Việt Nam về phạm tội nhiều lần:

Đối với trường hợp bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên mà những tội ấy đều đáp ứng ba đặc điểm: được thực hiện cùng một hình thức lỗi, có cùng một tính chất (bạo lực, vụ lợi, chiếm đoạt, v.v.) và cùng xâm hại đến một nhóm quan hệ xã hội nên đều được quy định trong cùng một Chương của phần các tội phạm trong BLHS năm 2015 quy định. Khi điều chỉnh về mặt lập pháp thì trường hợp nêu trên phải bị hoặc có thể phạm tội nhiều lần. Nếu mà những trường hợp ấy cùng được thực hiện với lỗi vô ý thì nên quy định đây buộc phải coi là phạm tội nhiều lần. Nếu cùng thực hiện với lỗi vô ý thì nên quy định là có thể bị coi là phạm tội nhiều lần.

- BLHS nên quy định tình tiết phạm tội nhiều lần thành một điều khoản riêng biệt với định nghĩa pháp lý như sau:

1. Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên mà những tội ấy được quy định cùng một điều của bộ luật này.

2. Đối với trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên mà những tội ấy được quy định tại các điều khác nhau của Bộ luật này, thì có thể tính để xác định là phạm tội nhiều lần chỉ khi nào do các điều tương ứng trong phần các tội phạm Bộ luật quy định riêng.

3. Đối với các tội đã vi phạm trước đây nhưng được miễn TNHS thì không được xem là phạm tội nhiều lần.

- Đề nghị TAND tối cao nên bổ sung thêm hướng dẫn về căn cứ để xác định thế nào là nguồn sống chính của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Đây là một điều rất quan trọng vì nó là đặc điểm chính yếu để phân biệt giữa hai tình tiết phạm tội và có tính chất chuyên nghiệp

- Đề nghị VKSND Tối cao, TAND tối cao cần sớm có văn bản hướng dẫn việc áp dụng khoản 2 Điều BLHS năm 2015 “tình tiết này đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng” [10, Điều 52, khoản 2], theo đó cần hướng dẫn rõ những trường hợp phạm tội nhiều lần mà tổng các lần phạm tội cộng lại có giá trị tài sản đã được áp dụng tình tiết định khung hình phạt đối với các bị cáo thì không được áp thêm tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (phạm tội 02 lần trở lên) đối với các bị cáo.

Từ thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử chúng ta thấy có rất nhiều đối tượng phạm tội khi phạm vào các tội như tội trộm cắp, tội cướp tài sản, cướp giật tài sản bị áp dụng tình tiết tăng TNHS phạm tội nhiều lần. Do vậy cần phải nghiên cứu đưa tình tiết phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng định khung để tăng thêm sự nghiêm minh của pháp luật và tăng thêm tính răn đe đối với người phạm tội.

- Hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 về tình tiết giảm nhẹ TNHS

Cho dù BLHS đã quy định tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải” quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51BLHS: Thực tế cho thấy, án thụ lý điều tra cấp huyện đa số là án phạm tội quả tang. Các vụ phạm tội quả tang hoặc các vụ án hình sự khác người phạm tội hầu hết nhận tội, khai báo rõ ràng, do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này chiếm đa số. Chỉ một số ít vụ án phức tạp thì bị can, bị cáo không nhận tội, quanh co đối phó với cơ quan tiến hành tố tụng, mà trong những vụ án này dù có khuyến khích họ khai báo thành khẩn thì cũng rất khó vì với thái độ chống đối của họ, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh để buộc tội. Mục đích cơ bản của quy định tình tiết giảm nhẹ này là để khuyến khích bị cáo thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải. Tuy nhiên, với đa số vụ án bị can, bị cáo đã thành khẩn khai báo thì không cần thiết phải quy định để đạt được mục đích như đã nêu ở trên. Mặt khác, người phạm tội có khai báo hay không là quyền của họ, trách nhiệm chứng minh sự thật của vụ án thuộc về Nhà nước. Ở đây muốn hướng đến quyền được im lặng của bị can, bị cáo.

Tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS; có thể nói, tình tiết giảm nhẹ này được áp dụng chủ yếu cho đối tượng là cán bộ công chức, viên chức nhà nước. Tình tiết này thường không đảm bảo tính công bằng. Bởi vì, với chế độ khen thưởng hiện nay, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước ai cũng được khen thưởng hoặc luân phiên được khen thưởng với các hình thức khen thưởng như chiến sĩ thi đua, bằng khen, huân huy chương, v.v.. Thậm chí là chỉ được giấy khen thì Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ. Cán bộ, công chức nhà nước được khen thưởng trong thời gian công tác, học tập sản xuất được tặng thưởng, nhưng sau này bị phát hiện có các hành vi tham nhũng (tội tham nhũng) hoặc tội phạm khác thì lại được giảm nhẹ TNHS là mâu thuẫn với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước

ta là luôn quy TNHS nghiêm khắc hơn đối với người có chức vụ, quyền hạn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, và đối với người lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức để phạm tội. Mặt khác, đối tượng được hưởng tình tiết giảm nhẹ này, nếu họ khi trong thời gian công tác, học tập, chiến đấu có thành tích xuất sắc thì họ được nhà nước ưu ái nâng chức vụ lên để tham nhũng nếu áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ cho họ dẫn đến hình phạt sẽ nhẹ thì hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tội phạm tham nhũng bị giảm sút.

Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS: Tình tiết giảm nhẹ này được quy định với mục đích khoan hồng đối với người lần đầu thực hiện một tội phạm và tội phạm đó thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Có thể thấy, theo quy định này thì bất cứ tội phạm nào thuộc trường hợp nêu trên đương nhiên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ TNHS. Quy định này cho thấy BLHS phân biệt phạm tội lần đầu với các trường hợp phạm tội khác. Tuy nhiên, quy định này sẽ không đạt được mục đích phòng ngừa và xử lý tội phạm, bởi vì ngay bản thân người phạm tội trong trường hợp như đã đề cập, khung pháp lý của họ đã nhẹ hơn các trường hợp phạm tội khác, nếu tiếp tục giảm nhẹ nữa thì hiệu quả công bằng của hình phạt sẽ không đạt được. Việc thiết lập các tình tiết giảm nhẹ phải thực sự đạt được tiêu chí về chính sách PLHS, tạo ra sự bình đẳng trong quan hệ pháp luật TNHS; khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, ăn năn hối cải và có tác dụng phòng ngừa, xử lý tội phạm.

3.2. Một số giải pháp bảo đảm áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quyết định hình phạt

3.2.1. Kiện toàn đội ngũ cán bộ xét xử, xây dựng đội ngũ Thẩm phán giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ

Chất lượng xét xử các vụ án hình sự trong những năm gần đây của ngành Tòa án ngày càng được cải thiện, số án bị hủy hoặc cải sửa nghiêm

trọng giảm đi đáng kể, các Tòa án đã vận dụng đúng các quy định của quyết định hình phạt nói chung và quyết định các tình tiết.

Đội ngũ Thẩm phán cần học tập, nâng cao trình độ trong công tác xét xử. Nâng cao chất lượng chuyên môn, mang tính chuyên nghiệp chuyên xét xử vụ án hình sự, nhất là đối với các cán bộ của Tòa án cấp huyện. Đối với lớp cán bộ hiện có chúng ta cần bồi dưỡng đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực đánh giá hồ sơ xét xử, tập huấn các kỹ năng xét xử mới. Đối với đội ngũ cán bộ trẻ tạo nguồn cần đào tạo bài bản, học tập nghiêm túc, bồi dưỡng đúng chuyên ngành.

Bên cạnh đó, cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với Hội thẩm nhân dân, hiện nay trình độ hiểu biết pháp luật của Hội thẩm nhân dân chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến sự thiếu hiểu biết nhất định vào các chuyên ngành sâu của hệ thống pháp luật. Do vậy, bên cạnh nâng cao năng lực trình độ cho Thẩm phán thì phải nâng cao trình độ cho Hội thẩm nhân dân.

Ngoài ra đối với đội ngũ Điều tra, Kiểm sát viên cũng cần phải không ngừng được nâng cao, bằng các hình thức như đưa đi bồi dưỡng, đào tạo lại những người tay nghề yếu, xử lý nghiêm minh những cán bộ gây sai phạm, nhằm tránh trường hợp cố tình hiểu sai hệ thống pháp luật để làm lợi cho cá nhân do có sức kết nối, móc ngoặc lẫn nhau.

Mặt khác, cần tăng cường tính trách nhiệm đối với các vụ án do mình điều tra, xét xử, chứ không có chuyện điều tra sai lệch, xét xử sai lệch mà không ai chịu trách nhiệm là không được. Phải gắn lợi ích với trách nhiệm, gắn quyền lực với trách nhiệm, quyền lực càng cao thì trách nhiệm càng lớn và ngược lại.

3.2.2. Nâng cao năng lực tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân

Nâng cao năng lực tham gia của Hội thẩm nhân dân là nhằm làm cho quá trình xét xử được khách quan hơn, minh bạch, có cái nhìn đa chiều đối với bị cáo, giúp cho phiên tòa có cái nhìn đúng đắn hơn trong xét xử.

Hội thẩm nhân dân có vai trò quan trọng trong các phiên tòa, tuy nhiên hiện nay ở Hà Tĩnh chưa được xem xét trình độ chuyên môn của các Hội thẩm có ngành bằng hay cần thiết phải cao hơn Thẩm phán hay không, vì bản chất của Hội thẩm là có vai trò tương đương với Thẩm phán.

Song, Hội thẩm nhân dân có vai trò quan trọng như vậy nhưng hiện nay về trình độ chuyên môn còn yếu và năng lực phản biện cũng như xem xét các vụ còn mang tính thụ động, do vậy trọng trách trong các phiên tòa thì bị xem nhẹ hơn so với Thẩm phán. Do vậy chúng ta cần phải không ngừng bồi dưỡng đào tạo chuyên ngành cho Hội thẩm có trình độ cao, đảm bảo gánh vác các công việc xét xử ở các phiên tòa.

3.2.3. Nâng cao hoạt động giám đốc kiểm tra để kịp thời giám đốc thẩm, những bản án vi phạm nghiêm trọng để rút kinh nghiệm xét xử.

Bên cạnh các giải pháp nêu trên, để cho quá trình xét xử đúng người, đúng tội, hạn chế được những sai sót do nguyên nhân khách quan và chủ quan thì chúng ta cần phải thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động giám đốc thẩm để kịp thời xử lý những sai sót cũng như rút ra bài học kinh nghiệm cho các vụ án sau. Đây là yếu tố rất quan trọng để kiểm tra, xem xét tham mưu cho các cơ quan chức năng nhìn nhận lại các vấn đề liên quan đến vụ án, đề nghị xét xử lại các vụ án có dấu hiệu oan sai, giúp các cơ quan chức năng, điều tra, xét hỏi lại một cách cẩn trọng, tỷ mỉ tránh được thấp nhất những sai sót trong xét xử các vụ án hình sự.

Để nâng cao chất lượng các bản án thì quá trình giám đốc thẩm, tái thẩm cần phải được xem xét một cách kỹ càng, Tòa án nhân dân các cấp cần hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, các quy định pháp luật một cách rõ ràng, tiếp nhận hồ sơ vụ án cần đầy đủ chứng cứ khoa học theo quy định của pháp luật.

TAND tối cao sẽ phối kết hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành trong hoạt động xây dựng pháp luật, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, đồng thời xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở Hà Tĩnh hiện nay, căn cứ vào các nguyên nhân gây ra những tồn tại và hạn chế trong việc áp dụng trách nhiệm hình sự về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Luận văn đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cũng như xử lý trách nhiệm hình sự một cách chính xác, khách quan, không bỏ lọt người phạm tội.

Một là, kiện toàn đội ngũ cán bộ xét xử, xây dựng đội ngũ Thẩm phán giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ. Chúng ta thấy rằng, chất lượng xét xử các vụ án hình sự trong những năm gần đây của ngành Tòa án ngày càng được cải thiện, số án bị hủy hoặc cải sửa nghiêm trọng giảm đi đáng kể, các Tòa án đã vận dụng đúng các quy định của quyết định hình phạt nói chung và quyết định các tình tiết. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế nhất định về đội ngũ thẩm phán, do vậy, cần nâng cao chất lượng Thẩm phán làm công tác xét xử. Đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ làm công tác Thẩm phán theo chuyên môn nghiệp vụ đã được học, không đào tạo trái ngành, trái nghề mà đưa làm công tác Thẩm phán.

Hai là, chúng ta cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân, cần tuyển dụng những Hội thẩm có năng lực trình độ chuyên môn nhất định.

Ba là, nâng cao năng lực làm việc, xử lý hồ sơ, các quy trình làm việc, điều tra xét hỏi của các cán bộ Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, đặc biệt là những cán bộ thực hiện Giám đốc thẩm để kịp thời xem xét lại các bản án vi phạm tố tụng nhằm đưa ra hướng xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không những thể hiện tinh nghiêm minh của pháp luật và còn có ý nghĩa vào việc tuyên truyền kích động tinh thần tin tưởng vào các cơ quan quản lý của nhà nước. Không thiên vị cho bị cáo hay bị hại, đảm bảo xét xử công bằng, văn minh đúng người đúng tội.

KẾT LUẬN

Tóm lại, việc nghiên cứu "*Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt theo PLHS từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*", chúng tôi có thể rút ra một số kết luận như sau:

Một là, đưa ra khái niệm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, ý nghĩa, phân loại và vai trò về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt, quy định của BLHS về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt từ năm 1945 đến nay, và việc tiếp tục hoàn thiện giải pháp bảo đảm của BLHS Việt Nam về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt.

Hai là, thực tiễn hoạt động xét xử của TAND tỉnh Hà Tĩnh cho thấy, các quy định của PLHS Việt Nam về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt là hợp lý. Tuy nhiên, do nhận thức cũng như trình độ, năng lực và trách nhiệm của Thẩm phán nên trong quá trình áp dụng pháp luật giải quyết, xét xử hình sự có những sai sót, hạn chế nên đã ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả xét xử án hình sự của TAND tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, cần phải đòi hỏi TAND tối cao phải ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn Tòa án các cấp thống nhất áp dụng pháp luật (nhất là hướng dẫn giải thích thế nào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS), có đề án, giải pháp đồng bộ về tổ chức bộ máy, về chương trình đào tạo, bồi dưỡng, về thi tuyển chọn chức danh tư pháp, v.v.

Ba là, việc nghiên cứu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt tại TAND tỉnh Hà Tĩnh cho thấy, hiệu quả việc áp dụng quy định này phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có vấn đề tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện BLHS góp phần giải quyết vấn đề áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật, bảo vệ nhân thân, các quyền và tự do của con người và của công dân, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh phòng và chống các tội phạm,

cải tạo và giáo dục tốt những người bị kết án và phù hợp chính sách tái hòa nhập họ trở về với cuộc sống của cộng đồng, đưa các nguyên tắc được thừa nhận chung của Nhà nước pháp quyền vào đời sống thực tế.

Bốn là, Cần áp dụng khoa học hình sự vào xét xử các vụ án, tránh hiện tượng thiếu cơ sở khoa học đã vội xét xử, dẫn đến thiếu căn cứ khách quan. Bên cạnh đó, cần có chính sách đào tạo bồi dưỡng toàn diện và hệ thống đối với các cán bộ làm công tác điều tra, xét hỏi, viện kiểm sát, tòa án, v.v.. nhằm nhận thức, tiếp cận được các vụ án khó, trọng điểm.

Năm là, qua đây học viên cũng mạnh dạn đưa ra những đề xuất và những giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm trong xét xử hình sự gồm: Cần chuyên nghiệp hóa đội ngũ Thẩm phán làm công tác xét xử. Song song với quá trình nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ Thẩm phán thì cần phải nâng cao năng lực của đội ngũ Hội thẩm nhân dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Anh (2015), “*Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk*”, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, người hướng dẫn: TS Cao Thị Oanh, năm bảo vệ 2015 tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Soạn thảo (2014), *Dự thảo Phần chung BLHS Việt Nam*, Hà Nội.
4. *BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, bổ sung 2009* (2014), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
6. Lê Cẩm, *Về bản chất pháp lý của quy phạm nguyên tắc quyết định hình phạt quy định tại Điều 37 BLHS Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1, 1989.
7. Lê Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về luật hình sự, Tập IV*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Lê Cẩm - Trịnh Tiến Việt *Nhân thân người phạm tội một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1, Hà Nội, 2002.
9. Lê Văn Cẩm - Trịnh Quốc Toàn (2011), *Định tội danh: Lý luận, lời giải mẫu và 500 bài tập thực hành*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Trần Đình Dương, *Bàn về tình tiết “Đầu thú”*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 9), Hà Nội, 2008.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Th.s Lê Văn Đệ (2005), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

13. Luật hình sự Việt Nam (2000), Quyển 1, *Những vấn đề chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. PGS.TS Dương Tuyết Miên (2003) *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS theo BLHS năm 1999*. Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 1, tr.19.
15. PGS.TS Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
16. Đoàn Tấn Minh (2010), *Phương pháp định tội danh và hướng dẫn định tội danh đối với các tội phạm trong BLHS hiện hành*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.
18. Nguyễn Thị Bích Ngọc (2016), “*Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
19. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), “*Từ điển giải thích luật học*”. Nxb, Công an nhân dân, Hà Nội.
21. TS. Đinh Văn Quế (1997), “*Người bị hại trong vụ án hình sự*”. Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 12.
22. TS. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt theo Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. TS. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội.
24. TS. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 – Phần chung*, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh.
25. TS. Đinh Văn Quế (2009), Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 23.

26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *BLHS 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Lê Thị Sơn, Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Từ điển PLHS*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (các Bản án từ năm 2012 đến năm 2017), 100 Bản án.
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
30. TS. Trịnh Tiến Việt (2004), “Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong việc quyết định hình phạt”, *Tạp chí Khoa học pháp luật*, số, (1).
31. TS. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và TNHS*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
32. TS. Trịnh Tiến Việt, “Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS” năm 1999. *Tạp chí Tòa án nhân dân*, tháng 7- 2004 (số 13), tr. 8.
33. TS. Trần Thị Quang Vinh (2005) *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
35. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (2005) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
37. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
39. <http://www.hatinh.gov.vn>.
40. www.toaan.gov.vn
41. <http://www.thuvienphapluat.vn>